TƯỞNG
CƠ QUAN LUẬN THUYẾT CỦA VIỆN ĐẠI HỌC VAN HÂN

Chủ nhiệm: T.T. THÍCH MINH CHÂU

Ban Biên Tập:

THÍCH MINH CHÂU • THÍCH QUANG ĐỘ • NGUYỄN ĐÀNG
THỤC • NGỌ TRỌNG ANH • TÔN THẤT THIÊN • PHẠM CÔNG
THIÊN • ĐƯỜNG THỊ HIỂU TÔNG • LÊ TÔN NGHIỆM •
KIM ĐỊNH • TUỆ SỸ • CHỐN HANH...

VỚI SỰ CÔNG TÁC CỦA TOÀN BAN GIÁO SU
VIỆN ĐẠI HỌC VAN HÂN.

Năm thứ Tư
Số 5

Ngày 30 tháng 7
năm 1971

Bài vở, bản thảo xin gửi: Ngân phiếu, thư báo đảm xin gửi:
D.D. TUỆ SỸ
CÔ HÔ THỊ MINH TƯỜNG
VIỆN ĐẠI HỌC VAN HÂN
222 Trường Minh Giang, Saigon 3 — d.t. 25.946
BÀN VỀ CHỦ HỌC
(VIẾT CHO SINH VIỄN NĂM THỨ NHẤT CỦA VIỄN ĐẠI HỌC VĂN HẠNH)

TÔN THẤT THIÊN

Ba danh từ nói trên thâu gọn một quan niệm về học mà nhiều thế hệ trước ta đã theo, và ngày nay vẫn còn giá trị. Ta có thể nói ngày nay nó còn giá trị hơn bao giờ hết, giữa những sự kêu gào của thế hệ sinh viên hiện tại chung dời lối học "từ chương" và đổi hỏi một lối học "mới". Mià mai thay, lối học "mới" đó lại là lối học cũ, như đã biết một thế hệ học hỏi gạt bỏ mà không stemmed nhìn đến, vì nó bị liệt vào hệ thống "hư nhỏ" giữa lúc phong trào "cạnh tân" để đi đến phủ euong đang bồng bột.

Hai thể hệ vừa qua đã quan niệm "cạnh tân" hay "duy tân" là Âu hóa, và đặc biệt là duy vật, duy tri. Ngày nay, thực trạng xã hội Việt nam, với sự hồn loạn và đôi truy cứu của nó đang thực tinh nhiều người đã theo quan niệm sai lầm đó, nhất là trong lực chinh các nước Tây phương cũng tham nhân rằng vẫn mình vật chất của họ đang dưa họ vào con đường tự tiêu diệt và tiêu diệt nhân loại.

Khoa học với sự đặt trọng tâm hoạt động của con người vào vật chất và lý tri, chỉ thỏa man được một nửa như câu của xã hội cũng như Nho học, với sự đặt trọng tâm vào tinh thần và đạo lý của con người, chỉ thỏa man được một nửa như câu của xã hội. Nhưng nhìn lại lịch sử Việt nam trong những năm gần đây và nhất là nhìn vào tinh trạng xã hội Việt nam ngày nay, ta khó phủ nhận rằng nửa tinh thần và đạo lý không thể thiếu được nếu ta không muốn dân tộc Việt nam làm vào cảnh diệt vòng hay nỗi lê: một dân tộc không có tinh thần và đạo lý là một dân tộc đủ điều kiện nhất để cho kẻ khác dễ hổ và sai khiên.

Vì vậy mà ngày nay ta cần đặt lại vấn đề học — học hỏi, học tập, học hằng — như những thể hệ của Việt nam thời độc
lập, hay những nhà chán Nho trong thời ngoài bang độ hô, đã đặt:

Học phải có hồi
Học phải có tập
Học phải có hành


Học không hội, không tập, không hành là lối học từ chüơng mà chúng ta đã nghe tổ cáo, đã dạo nhám tai, nhưng mà vẫn còn trầm lan trong cái «rừng» được gọi là «giáo dục» của Việt nam ngày nay. Lời học dỗ đã không hướng về vun đắp tinh thần, đạo lý cho giới trẻ để họ cứu vượt xã hội Việt nam, mà nó cũng chẳng giúp ích gì cho sự phát triển vật chất và lý trí của xã hội dỗ. Lời học dỗ là lối học đạo hóa chơn dân tổc.


Trước hết học thường nước, thường dân Việt nam, và thường người nội chung.

Kế tiếp học thường nước, thường dân, thường người thế nào cho hợp lý, cho hứu hiểu, và làm những gì để thể hiện tinh thường dỗ.

(1) Học như thời tập chi, bất đắc duyệt hoá! (Luận ngữ)
Biết rõ thì phải tập, và tập để đi đến hành, bắt đầu từ bản thân rõ đến gia đình, đến xã hội gần là quốc gia, rồi đến xã hội xa là thế giới hay nhân loại.

Thế nào là thương nước? Thương nước là tự lực mình bắt đầu có trí khôn cho đến khi mình chết phải góp sức làm cho nước mình trat tự, sung túc, vững mạnh, tươi đẹp hơn lúc mình vào đời. Muốn thực hiện những mục tiêu đó mọi người phải có kỹ luật, cần mẫn và công tâm; phải biết trọng công sản và lo việc công lý, công ích.

Thế nào là thương dân? Thương dân là đứng làm gì thiệt hại tài sản, thân thể, danh dự dân; trái lại, phải lo vun đáp, gây dựng cho mọi người quan tâm ta. Muốn thực hiện những điều trên, cần phải có oc công bàng và bác ái.

Thế nào là thương nhân loại? Thương nhân loại là đồng góp vào việc xây dựng một thế giới sống trong hòa bình, trưởng thành, tương ái tương trợ. Thực hiện mục tiêu đó đòi hỏi ở ta một tinh thần khoan dung mạnh mẽ.

thức yếu. Phải có nghị thượng, nam dục tinh phải có luôn luôn — nhân, lẽ, nghĩa, trí, tín, — rồi mới đến văn, nghệ.

Duy tan của Nhật bản là canh tăn ky thuật theo Âu Tây trong sự duy trì một nền tăng đạo lý tinh thần Không Mạnh. Tôi đã được nghe nhiều tác giả và độc nhiều sách Tây phương khẳng định rằng các nước chậm tiến không thể canh tần mà không thường nhân toàn bộ văn hóa và phong tục Tây phương cùng với kỹ thuật và máy móc Tây phương được. Lịch sử canh tần Nhật bản đã phù nhân điều đó. Phân khác, những biến chuyển ở Âu châu và Mỹ chưa ngày nay đang chứng minh rằng Tây phương đã đi lạc đường vi đã nhằm mặt lao mình vào con đường vật chất và lý trí. Họ đã tạo được một cái xác không lở, nhưng không hồn. Tây phương đang y thức rằng họ đã tự biến họ thành một robot vọ cùng ngày hiểm vi nó không lượng tri và lượng tâm. Họ thấy cần học lại những gì cần thiết để tự cứu nhân loại. Mia mai they cho những người Một dỗ cha đã đáp hát hủ vần hóa của mình: noi mà người Tây phương tìm đến để học lại những điều cần bán cho xã hội và con người là Đông phương và điều mà họ muôn học lại là tính khoan dung và sự chê nguy vật duc. (Trùng hòa và Khác ky theo Không giáo; Viên dường và Nghị duc theo Phật giáo; và Võ vi theo Lào giáo).

**

Trên đây ta đã trả lời được một nửa câu hỏi: học gì? Ta thấy trước hết phải học thourng nước, thuong dân, thuong người. Nhưng nếu ta chỉ học, tập, và hành có chung đó thì mục tiêu của ta khó mà đạt được hoạn toàn. Lich sự ngoại thuộc và châm tiến của ta trong hồn một thế kỳ đã chứng minh rõ ràng điều đó. Vây ngoại *lể* và *dao*, *ngữ thường*, ta cần phải học thêm những gì cần thiết để dem lại phủ cường cho xử sở,
và nâng cao đời sống của dân Việt? Nói chung, ta phải học "khoa học", "kỹ thuật", và "chuyên môn".

"Khoa học", "kỹ thuật" và "chuyên môn" có thể học theo lối "từ chưởng", không hỏi, không tập, không hành, chỉ có thuộc những điều cụ thể, lỡ thời, và vô dụng để lấy mạnh bằng, và đem mảnh bằng đó (có khi nhỏ lay lục, khác mêu, chay chột, mua ban mà có) trong trong hòa với hiểu nâng. Nhưng "khoa học", "kỹ thuật", "chuyên môn" cũng có thể, và phải, học theo lối hỏi, tập, hành.


Về phân dạy, một số giáo sư cũng có thái độ "ủ ủy", không muốn thay đổi, phiền phức, không học hỏi thêm, không theo dõi những tiến bộ trong ngành mình và những ngành làm căn (về nội dung cũng như về phương pháp), không cố gắng áp dụng phương pháp Tây, Âu vào đặc trang Việt Nam để đi đến sự tìm ra giải pháp và giải đáp Việt Nam cho các vấn đề Việt Nam. Họ không thích đối chất hoặc đối thoại với sinh viên, chỉ muốn dạy theo lối học "cours", "dạy" như vậy cũng như nước đó là môn, hay cũng làm chỉ là một cái gì khó
chỉu đề nâng lên tâm trí người sinh viên - việc phải làm sao để khi thi khỏi bị đánh trước.

Những tình trạng nói trên một phần không nhỏ là hậu quả của chính sách, hay vô chính sách, của những chính quyền trong quá khứ đã không tạo điều kiện cho sinh viên và giáo sư áp dụng nguyên tắc học, tập, hành. Chỉ cần nhìn vào tình trạng trường học và giáo dục mọi cấp của ta cũng đủ hiểu: không xảy ra (hay đối với người khác xứng xứng rồi đến chiếm và đáp pha như đã xảy ra ở Trung tâm Lê Quý Đôn gần đây — một hành động thật là man rợ), không huấn luyện giáo dục, không làm đa dại cho sinh viên đi học, hay về xử lý giáo sư (quản dịch, chi tiêu khan quốc ngoại và hỏi hưởng, chuyen ngân, chuyen gí cùng khan, phiền phức, nhục nhã v.v...) không giúp các đại học hiện hữu xây cất, phát triển thêm, không chuẩn bị chu đáo trước khi cho mở đại học mới...... Ta thử nhìn vào các « đại học » Việt nam cũng đủ hiểu: hiện nay không có một đại học nào ở Việt nam thực xứng đáng với tên đại học. Saigon, Huế, Cần thơ, Đà lạt, Văn Hành, An giang, Minh Đức toàn là những nơi sinh viên Việt nam học đại, vì không thể làm gì khác — trừ một số còn nhả có thể lực, tiến của, hay may mắn, được đi ngoại quốc, tiêu xái ngoại thể của xử sở để rồi đi làm cho ngoại bang : họ là những kẻ ăn dệt của xã hội Việt nam.

Nhưng có học đại đi nữa thì cũng dược một cái gì. Nếu sinh viên, cùng như giáo sư, ý thức được đúng quan niệm học, tập, hành, thì kết quả sẽ là hiểu biết một phần nào về những vấn đề của xã hội Việt nam, và đặc biệt là những khan cảnh của vấn đề canh tan xã hội Việt nam. Đây là một vấn đề cần dược đào sâu và rộng trong tương lai : muốn cải tổ và canh tàn xã hội
Việt nam, trước hết ta phải tìm hiểu xã hội Việt nam — Lịch sử, cơ cấu, động lực, khuyệt diễm và uru diễm của nó. Đề nghị pháp và giải đáp Âu Mỹ về xử và ép Việt nam vào khuôn đó là một điều nay dầy rờ ràng quá lồ lách và nguy hiểm cho xử số (nhưng cũng còn nhiều Cao học và Tiến sĩ & Âu Mỹ về đang làm một cách rất đang hài).

Trong gần hai mươi năm, các chương trình và kế hoạch viên trợ chỉ nhằm vào huấn luyện chuyên viên về « kỹ thuật », và gặp bồ hay ngần cán những ngành xã hội học. Ngày nay rất nhiều chuyên viên « kỹ thuật » — một phần lớn làm cho Âu, Mỹ ở ngoại quốc hay quốc nội — những phần lãnh đạo chính sách và đường lối thi нам trong tay các ông « cõ văn » ngoại quốc với ta chỉ có « chuyên viên » kỹ thuật mà không có lãnh tu chính trị và xã hội để điều khiển chuyên viên đó, hay có những lãnh tu nhuy dú nên để bị chỉ đạo hay mua chuộc vi bất lực hay tội tật. Khỏi cần nhân mạnh rằng tinh trạng này phải được cải tổ gập nếu ta không muốn kéo ngoại bang bảo hộ xử này dưới một hình thức mới, nguy hiểm hơn chế độ thuộc địa cũ, vi nó thế nỗi hơn.

Tóm tắt, ta học hỏi, học tập, học hành những gì có thể
1) giúp vào công cuộc cải tổ và cải tiến xã hội Việt nam về phương diện tính thanh đạo lý — điều ưu tiên — và vật chất lý trí — điều cần những thứ yếu và 2) xây dựng hòa bình cho nhân loại.

**

Sau khi dã trả lời các câu hỏi: học gì, học thế nào, ta phải trả lời các câu hỏi: học với ai? học ở đâu? học lúc nào?

Học với ai? Trước hết, học với mình. Ta có thể tin hay không tin rằng ta có thiên tính, những mới người bình thường...


Nhưng tự vấn là một cấp học đã khá cao. Trước khi đạt trình độ đó, cần phải học thấy. « Không thấy đó may mắn làm nên ».
TÔN THẤT THIÊN

Ta phải học thầy vì thầy là người đã đi trước, nên thuộc đường hơn ta, có thể chỉ cho ta con đường tốt để hơn, ngần hơn, nhanh hơn. Đó là những con đường cụ. Trong sự theo đuổi đạo lý, như ta đã nói ở trên, không có cụ không có mới, nên có nhắm mắt theo thầy không nguy hiểm. Trong sự thâu nhận và sáng tạo kiến thức, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học, là lĩnh vực hướng về tương lai nhiều hơn, ta không thể nhắm mắt theo thầy trong mọi trường hợp. Thật ra, ta phải đi xa hơn thầy, và Ông thầy làm dung sư mạng của mình phải huấn luyện để từ của mình dễ họ đi xa hơn mình. Có như vậy, xã hội mới tiến được. Tóm lại, vai trò của thầy trong sự học hỏi của ta có giới hạn. Thầy chỉ là người mở đường, chỉ hướng hoặc kích thích từ trường của trò. Đức Thích Ca tìm ra chánh lý không phải nhờ thầy, mà nhờ ngồi suy nghiệm bốn muối ngày dưới gốc cây Bồ đề. Đó là bài học cụ thể nhất về tư vấn. Thầy cũng như trò, nên thành thực chấp nhận sự giới hạn đó.

Sách không phải để đọc, để tung (như kinh), mà để đọc. Đọc là một dịp để suy nghĩ. Đọc là phần phụ; suy nghĩ mới là phần chính.


Và cuối cùng, sau bạn là đôi, noi ta có thể hoắc « học như tri », hoắc « không như tri ». Ta thường nghe tri thực bị trạch rằng chỉ « ngồi trong tháp ngà », không biết gì chuyện đời. Thông ngữ đó mượn tác giả Pháp là Montaigne, khi ông khuyen những người muốn học hỏi phải rời bỏ « tháp ngà » (Tour
TỒN THÁT THIÊN

d’ivoire) để học trong « quyền sách lớn của đời » (le grand livre de la vie). Nhưng ý nghĩa chỉ học sách mà không chú ý gì đến đời sống đương tại cũng được để cấp đến thương trọng ngôn ngữ Việt. Thương ngữ « sách vợ » (anh đồ sách vợ làm) thương được dùng theo nghĩa nội tại trên. Câu hỏi cuối cùng ta phải trả lời là: học ở đâu? học lúc nào?

* * *

Hai câu hỏi: « học ở đâu? học lúc nào? » liên quan mật thiết với nhau. (Triết lý, cũng như khoa học, ngày nay có xu hướng coi hai yếu tố đó như hai khía cạnh của một hiện tượng). Câu trả lời rất giản dị: học bất cứ nơi nào có thể học được, và nơi nào có gì hay, mới, lạ. Trong Du cản bản năm 1868 mở đầu cho cảnh tân nước Nhật, hoàng đế Meiji đã chỉ ra cho toàn dân, quân, chính Nhật « đi tìm kiến thức ở khắp nước trên hoàn câu, để gia tăng lợi phước cho xã tắc ».

Từ trong gia đình, thôn xóm, trong hàng cùng ngõ hẻm của xử sở, hay những nơi xa xôi hải ngoại, chỗ nào ta cũng học được thêm những điều hay, mới lạ, nếu ta biết quan sát, suy nghĩ, và thật là nếu ta có ý chí mạnh liệt muốn hiểu, muốn biết, muốn gia tăng khả năng của ta để thực hiện sự thương nước, thương dân, thương người của ta. Nước Nhật mạnh là nhờ điều đó. Mà nước nào mạnh cũng nhờ điều đó.

Vì vậy, vẫn để học ở nơi nào trong những nước Pháp, Mỹ, Trung hoa, Nga sổ, không thành vấn đề. Và dùng tiếng nước nào, đọc sách nước nào, cũng không quan trọng. Điều quan trọng là mình học với mục đích gì, và có đủ trí xệt đoán để lựa cái hay bỏ cái dở của người hay không. Ta chỉ sợ « ngoại lai »
nếu chính ta không có tinh thần quả rừng, tự trọng, hay nếu ta không có thực chất, hay vì tham lam ích kỳ sần sang, làm nỡ lệ, bất chấp quyền lợi của dân tổ, xử số để tiến thân mình.


Ở đây, ta cũng cần nhận mạnh học không bắt buộc có nghĩa là « lấy bằng cấp », nhưng để tăng kiến thức và khả năng của ta. Lấy bằng cấp, tự nó, không phải là học. Bằng cấp cần, nhưng nếu tham vọng của ta chỉ là lấy bằng, và khi có bằng rới thì xếp sách, không suy nghĩ, không hối, không tập, không duyệt, không hành nụa, thì cái bằng cấp của ta sẽ như một cái dao: không mái đi mái lại mái, miệt nó sẽ cắn. Trong thế giới hiện tại, khoa học và kỹ thuật biến chuyển rất mạnh và rất nhanh. Nếu ta không lo quan sát, học hỏi luôn luôn để kiến thức và khả năng ta thích ứng tinh trạng mới, thì ta sẽ bị dao thái rắt để đằng. Vì vậy, trong sự học hỏi, nguyên tắc cần bản cần được tôn trọng là « học liên tục ». Dừng lại là hết tiến, và dân dân sẽ bị bỏ lại sau.

* * *

Để kết thúc, ta cần nhận mạnh rằng trong việc học, ta phải có mục đích rõ ràng — mà mục đích do phải cao cả rộng lớn hơn là tiến thân thay vi chỉ nhằm « trước là đẹp mắt, sau là ăn thân ». Chỉ lo đẹp mắt và âm thân là làm một điều thiên can.
Không có xã hội nào muốn tồn tại và phát triển chấp nhận một mục tiêu như vậy. Vi như cần tồn tại và phát triển, xã hội do, không chống thi chây, phải loại những kẻ ích kỷ đó để xã hội khỏi suy đổi hay diệt vong. Mục đích học của ta phải là cái tiến xã hội, quốc gia, trong tình thần thường nước, thường dân, thường người. Sinh vật học có một định luật rõ ràng: tế bào, hay cơ quan nào vô dụng — nghĩa là không đóng góp gì vào sự tồn tại và phát triển của cơ thể — sẽ tiêu tan dần và loại trừ.

Xa hội ngày nay được quan niệm như một cơ thể: không có cơ thể nào có thể tồn tại nếu các tế bào và cơ quan của nó toàn là loài ăn bẩn. Và nếu chính cơ thể ăn bẩn, thì mỗi nguy rồ rằng trước mắt: nếu vì một lý do gì mà cơ thể mất bị tiêu diệt, hay tách rời khỏi cơ thể ăn bẩn thì cơ thể này chắc chắn cũng bị tiêu diệt theo.

Trong bao nhiêu năm ta ăn bầm Trung hoa, và đến khi Trung hoa bị làm cho tế liệt, ta không có sức chống lại Pháp và bị Pháp nỏ lê hóa. Hết bấm Trung hoa, ta lại bấm Pháp. Lục Pháp bị gạt ra, ta lại bị nổ lê Hoa kỳ. Và ngày nay, lực Hoa kỳ đang bị gạt ra khỏi Á dòng ta lại đứng trước một mối nguy mới, là cơ thể bị Công sản nổ lê hóa. Mối nguy này là mối nguy chung cho miền Nam (rất cơ thể bị nổ lê hóa Công sản) và cho miền Bắc (đã bị nổ lê hóa Công sản rồi).

Nhiệm vụ của chúng ta trong công cuộc học hỏi, học tập, và học hành, không phải là có học theo lời từ chưởng để kiềm mạnh bằng cho mầu và một chỗ làm lương cao, chức lớn, mà là làm sao có đủ khả năng đào lý, trí thức, và chuyên môn để xây dựng một xã hội Việt nam vững chắc và đủ sức mạnh để
doch lập — theo nghĩa không phải chỉ có chủ quyền pháp lý mà còn đủ thực lực để khối an bám — ví đó là điều kiện tồn vông và phát triển của nước Việt nam và dân tộc Việt nam. Đó là lý tương, và lý do sống (raison d'être) và hoạt động của Viện Đại học Văn Hạnh. Ai đến Văn Hạnh để kiếm bằng, kiếm chức, kiếm lương, là đến làm tương, và nền sôm di nói khác.

TÔN THÁT THIÊN

Tu thư Đại học Văn Hạnh, đã phát hành.

ĐẠI THỪA
Và sự Liên Hệ với
TIỂU THỪA

N. Dutt.
THÍCH MINH CHÂU dịch

Tác giả đã nói liên lại hai dòng tur tương Tiểu thitura và Đại thitura, và giúp chúng ta tìm được sự liên tục giữ hai dòng tur tương nhiều khi máu thuận và畅通 đôi...

(Trích lời tura của dịch giả)
QUÁ TRÌNH GIEO GÂT

Kim Định

GIEO gạt hay giá sắc là hai tiếng tôi quan trọng nên đã chiếm trung cung & ngũ hành để cùng năm tăng ăn trong Hồng Phạm như hai dòng tình mạch của tim đưa máu ra nuôi thân hût máu vào để bồi bổ. Vi thế Kinh Dịch gọi là «thiên địa chi tâm». Con người đã được «thiên địa chi tâm» khi nào tâm thức vượt khỏi biên cương cả thế, thì dư không còn bị những giao động theo tự ý tự dục, nhưng nhịp theo tiết điều của vũ trù van vật tức là vận hành theo đa của toàn thế, khiến những giao động gặp trong cuộc sống như bi nuớc rơi di. Vi thế con người đã dao thị sống với tâm hồn an lạc như bay lượn trong vũ trụ: tất cả đều trở thành thần thiên, đều trở nên như một với mình. Đó là truc tiến hóa mình phải theo nên cũng là lý tương tôi dài của đạo học. Vi thế hai chiều giá sắc được nói đi lại nhiều lần bằng nhiều cấp danh tử khác nhau như giá sắc

hành tạng
nhất hạp nhất tích

Nhật hạp: un engagement di vào xã hội.
Nhất tích: un désengagement làm cho xã hội vươn lên,
Đây là hai phong thái cần bàn gấp thấy trong mọi nẻo văn minh với nhiều cách nhân khác nhau. Ở văn minh Âu Mỹ thì nhân trên giá, trên «nhaft hap» ta quen gọi là nhãp thế. Còn ở văn minh Án thì nhân mạnh trên sắc trên tích quen gọi là xuất thế. Văn minh Việt Nho bao hàm cả hai giá lần sắc, cả hành lân tăng, cả hai như nhau và cùng vắng theo một mục đích «hành tăng bất nghĩ quan». Đây là một điều thoát ngoa tương như trái tai, vì ngược với sự hiểu biết thông thường, bởi với thường tình thì ra là ra, vào là vào chứ không có cái truyền ngược đối. Vì thế hầu hết mọi nẻo trí đều đi theo một chiêu: dâ hành thi thôi tăng, còn kiểm cả hành lân tăng thì hòa hiêm, và đó là nét đặc trưng của Việt thời cũng gọi là Trung dung và cùng vi thế mà đạo Trung dung trở nên đức tính cao cả mà những người quan từ phải lạy làm chuẩn cánh và chỉ khi nào đạt được mọi nhân ra đó là cái nhịp uyên nguyễn phổ biến chứ không phải cái chỉ xa lánh cả. Vậy mà người ta cho là khó thì thái con người không hiểu được đạo lý, mà cần do không hiểu là tài chi nghe theo lý trí và tài mặt. Nhưng đó là những giác quan hạn cự, nên khi người ta chỉ đúng có chứng thì cũng chỉ thấy cách hạn cự một chiêu; dầy thấy ra thì hết thấy vào. Mà ra cũng như vào đều chỉ là một mảnh không làm nên được cái toàn thể. Tuy không là toàn thể nhưng là những phần thiết yếu vì thể bao giờ cũng có thể để cao riêng lẽ hoặc giá hoặc sắc. Để cao giá là để cao óc thục tế, để cao sắc là để cao lòng thanh thoát trút bỏ, cả hai đều on ích, đều cần thiết, nhưng khi thiếu cái nhìn toàn triệt thì mọi sự để cao bến nầy sẽ để bên kia rơi vào chỗ quả đắng là bị chối bỏ, và như thế sẽ làm vào mỗi nguy cơ cần cân là nhị nguyên. Nhì nguyên hòng không ở tai sự phân biệt trong ngoài; trên dưới, thị phi,
nhưng ở tại nhân một bộ một. Đã bộ một thì là dành mặt đối cực cần thiết cho sự biến động tức đánh mất xướng sống của sự sống.

Bởi vậy nên triệt lý chỉ đạt than là khi nào giữ được thể quan bình đong dích giữa hai đối cực: giữa giá và sắc. Một trong các phương tiễn chính là sự bản đến cả hai khía cạnh về phương diện quá trình hiện thực như trong Kinh Dịch để ra đó là nhất hấp nhất tích; hấp tích tương kề hay là am đường tương thời, giá sắc tương nhấp. Đây là một chân lý ít được bàn toái. Đối khi có thì cùng chỉ một chiều chữ không trong thể tương giao hai chiều. Chúng ta hãy đưa ra một thì dự rút từ triệt Ân.

2. BÓN ĐỘT ĐẠO TRANG.

Đọc triệt Ân ta tưởng như đã có bàn đến cả hai chiều và hồn thể nữa một cách triệt để như thấy hiện thực trong thể chế đạo trang (ashram) gồm có 4 nhạc:

- Nặc 1 là lúc đi học đạo (Cisya)
- Nặc 2 làm chủ gia đình (grastha)
- Nặc 3 vào rừng để tu (vānaprastha)
- Nặc 4 trút bỏ trọn ven (bikhsu) (Z.42)

Hai nhạc đầu tương dương với hai nét chữ Văn trong Hồng Phẩm điện ta chữ gia, hai nhạc sau là hai nét Văn điện ta chữ sắc. Hai nét trên đi vào đôi nét trước học cho biết đối nét sau kinh qua đối. Hai nét sau là khi đã kinh qua đã nên đủ mùi thi tự bỏ để giữ sạch bửi trần ai. Ở nhạc 3 cả hai vợ chồng đều bỏ nhà nhưng còn đi với nhau. Đến nhạc 4 thì vợ chồng cùng lia nhau nốt, nhiều khi bỏ áo quân và không trư lâu dưới một góc cây đến ba ngày. Trút bỏ đến thế là cùng cực.
3. XUÂN TẾ ĐỀ, THU TẾ THƯỜNG.

Có thể nói về mình Việt Nho cũng chia.dot ra 4 nấc và đặt tên theo mùa. Hai mùa ra gọi là Xuân tế Đế. Hai mùa vào gọi là Thu tế Thường, và như vậy là giống Án đô: Đế có nghĩa là chính phục hiếu là chính phục ở hàng ngũ ngang hiện trường: như điện học, mưu sinh, lập gia đỉnh, giúp vào việc cải thiện xã hội...
Còn tế Thường là chỉ đối sống tam linh, văn hóa, đạo lý, song không tìm thường hàng tử thân dộc lập bên ngoài con người như tìm ngày trong đối sống thường nhật, ngày trong việc ăn làm. Như vậy là có giống Án đô ở chữ chủ trọng đến chữ văn, chữ sắc, chữ tàng. Nhưng lại khác với Án đô ở chữ văn không...
lia van, sắc gân liên với giá và "hành tạng bất khí quan". Nói khác thì với Việt Nho.

Trong Đề có Thương
Trong Thương có Đề.

Chỉ khác nhau về mặt nhân hậu cho thích hợp với những tiết nhịp uyển nguyên của vũ trụ vận gồm cả ra cả vào một trạng, cùng như hợp bàn chất lượng thể của con người có tự có tan một trạng, y như thức ngữ chen nhau vậy. Đối sống con người tiến diện như một vật sống động, tất cả đều theo 4 nắc là:

Thành, Thịnh, Suy, Hủy
Rồi lại có 4 bước vòng trong là:
Nguyên, Hạnh, Lợi, Trinh

Nếu sống một chiều thì trọng đối té Đề tức chạy vòng ngoài, còn khi sống đúng đối luôn thể thì phải chú ý đến cả hai: nữa đối về trước thì chú ý đến Đề, nữa đối về sau thì chú trọng té Thương. Như vậy cùng là té (tức nhân mạnh) nhưng trên hai quĩ đạo khác nhau: nữa trước nhân trên quĩ đạo bé nhỏ là ăn làm, nữa sau là quĩ đạo lớn lao thược thành nhân, thành thành, thành thành. Cho nên sự thủy gạt (sắc) không còn là namic trong cùng một bịnh diễn tâm linh gọi là sắc tức "thủ hồi cải tâm đã phòng ra, đó là cùng đích của việc học" Mạnh V.. 11 "Học văn chi đạo vô tha, cấu kỳ phòng tâm nị đi bị". Đây là lời sống no trọn hồn hận hai lời kia. Ở lời sống duy nhập thì cuối cùng sẽ thấy tất cả đều là sự rộng rộng. Đề Đề đến chừng 40, 50 tuổi thì được làm; thì cử, ve gai, cười vỡ, làm áp phế, tiêu tung, van nghèo v.v... Tất cả đều có tình cach vui nhơn, rốn ràng, thích thú nhưng nếu chỉ có bày nhiều suốt một đời người
từ bốn năm mười trẻ đi cùng vẫn mới một thì hiểu như trước, thì quả là đời sống và nghĩa đăng buồn non, như nhiều học giả đã nhận định về đời sống hiện đại. Nhận định như vậy là đúng. Con người là vật cao cả mà đời sống chỉ bất quan về việc cấu cảm, du lịch thì con chỉ dần ngày cho bằng. Bởi vậy từ 40 đến 50 tuổi thường xảy ra trong tâm hồn những hiện tượng của một cuộc Hội Xuân. Tiếng Hội Xuân thường hiểu về sự phục hồi của khả năng giác tỉnh, nhưng thực ra đây chỉ là tiếng cống ra lệnh tudo quản, báo phải thu đón chiến trường để bất đầu lại đời sống di lên một vòng xoay ở cao hòn, khác hòn trước. Thi dụ nếu là học giả thì cần đi tìm cái chân thực thấm sâu hồn là tiếp tục tìm những cái mới mê kỹ lưỡng như lúc trẻ. Nếu không nhận ra sự diệu trên mà cứ kéo dài tình to mô vun vát, mỗi ngày wàn đọc kịnh hai ba tới nhất bao, thì đó là một thảm trang vị khó lòng đạt được cụa cảnh của con người, con người đường thế vói hai quái tạo: cảm đau chảy theo một chiều là làm hư cả một biết người. Bởi thế chính thiện niệm cùng giúp đỡ con người bằng giờ đến cho những tình hiện vào tuổi mà tôi gọi là lớn tổ chảnh (xây ra chung quanh tuổi 40, 50) tức lớn bên trong ra ngoài, hầu giúp con người chịu ý tôi „dời sống nội tâm”. Bên trong của dân ông là âm, bên trong của dân bà là dương, nhưng đến tuổi lớn tổ chảnh thì dân ông bày phải âm ra ngoài : mặt kiến hiện tại, bưng to ra... Còn dân bà thì mất có vẻ gia thêm cùng côi (virilise) nhiều khi sịs sao ngay từ tuổi 30, nên ca dào nói giá 30 tuổi đã toàn về gia. Chưa đầu con chán chơi, đồ mới là sịs sao ngay xa thôi. Mạn Nam Phát gặp thấy nhiều bà sọ mơ râu dài, cô người cho là tại tiêm tỉnh
dịch dương. Người biết truyện thì hiểu là đã đến lúc các bà phải quay về nơi tầm tiệm thưc, mà tiệm thưc dân bà lại thuộc dương (âm trung hữu dương) nên mặt mặt duyên dân nhiều khi có cả râu như dân ông, thì đó là truyện «hết nắc vác đến xướng», hết thôi ngoại âm đến thôi ngoại đương, hết thôi ý thuộc phải chú trọng đến tiệm thưc. Vì thế nhiều người đến tuổi dò cảm thấy chán ngày những công việc hay cười chơi mà trước dò họ lao hết mình vào. Sự chán ngày này là đầu tâm linh hợp với những đau đớn sô editable nối trên làm thành những tiếng gọi con người trở lại với mình. Số dĩ thiên nhiên phải nhận nhở như vậy vì việc trở lại dì ngược chiều nên là một công trình đối lại làm công phu. Nếu không một lần đủ biết thì roí lại tiếp tục sống như trước.

Đề hợp với thiên nhiên giúp vào việc trở lui chúng ta bận đến biết điểm về cơ năng và đối tượng.

4. CO NĂNG VÀ ĐỐI TƯƠNG.

Xét về có năng thì giai đoạn tiếp Đế cần đến ý chỉ theo nghĩa volonté. Cần chuyen luyện cho ý chỉ được er trong quyết để sửa soan gánh vác việc đời. Nhưng đến giai đoạn tiếp Thương thì lại chuyen sang sự hiểu hiểu : comprendhension tức là lôi hiểu biết cả bền trong nữa (comprehension : cùng bắt lấy cả bền trong) gọi là Minh triệt : Sagesse. Nếu chỉ có bền ngoài thì là tri thuc thuộc lý tri savoir, Phải có bền trong nữa mới là hiểu hiểu mới là đức tri thuc Minh triệt. Vì thế mà có hai lơi học khác nhau. Ông Đế là thường luộm cho nhiều kiến văn kiến thuc. Ông Đế thương lại là đi sau. Ông Đế nhận mạnh đến hai bước « bắc học, quan trọng..."
văn» còn ở thế Thường thì phải nhận trên ba đột «thần tử, minh bién, đọc hánh».

Trong Lạc thư Minh triệt đã nói đến hai dot hồn khóm và hồn thần. Hồn khóm có tinh cách đoạn lust hợp cho bước ra làm dân; nhưng còn bước vào làm nhân thì cần hồn thần, mà thần không động hóa với bất cứ cái chi vi thế về điểm này cần đọc lặp, không nhưng đứa vào đầu. Chinh vì có nhiều người xửa xa lãnh đội, thích những nơi vắng vẻ, có tich. Vậy nên ở giai đoạn một giáo dục cần nhân mạnh đến tinh cách công dòng, xã hội, đoạn thể, thì ở giai đoạn hai vẫn hào căn nhân đến tự do, độc lập. Xa hội công sản là trinh đó thái thầm của doan lưu hóa đi ra đến cùng cực. Thái độ của những người theo Thiên Tông, Lào Trang v.v... lé ra phải thuộc giai đoạn hai "bắt động" nhưng nhiều người nhân mạnh bừa bãi không trùng lúc, thì đủ đôi với học sinh trung học đã hỗ hào giữ bó kỳ luật, người đê nghe theo tiếng gọi của lòng thi tổ ra không biết đến thời gieo, thôi tác động mạnh của bản năng, rồi sau mới đến lý trí mà có lý trình mới có nội dung. Họ tự do sốm quá là tổ ra chưa có vào đôi, còn thiếu kinh nghiệm để có kinh nghiệm phải có kinh nghiệm là đã trải qua nên cùng gọi là từng trải, từng là đã trải qua, có thể sự biết mới nhiều nội dung: có kinh mới nghiệm. Họ cho trẻ rút lui sốm quá thì như những người nur tu thần lửa (Vestale) cả đời son đết, thiếu nội dung phong phu. Còn nếu ở lì lại trong đoạn lụi, trong xã hội thì lại ở tự nó làm hào. Vây dễ cho đôi vữa phong phu vira di đau đến do no trọn thì giai đoạn hành nên nhân hòa nhi, đến giai đoạn tăng thì cần "bắt động" dễ gõ mình ra khỏi làm dòng, đáng chu toàn phần tâm linh dài ngã. Đây là quan niệm sống trọng trọng đã được trình bày trong Kinh Dịch. Chúng ta cần đặt lại trước mắt dễ mình tâm khám cốt.
5. BIỂU TƯỞNG «SINH SINH».

«Sinh sinh chỉ vì đích»

Tình thân đích là sinh sinh
Sinh sinh có nghĩa là hai lần sinh
Một lần sinh vào lơi sống đi biết phồn da
Một lần sinh vào đổi sống thông nhất

Thiếu đi một sinh là không thành tựu được tình ban nhiên con người vốn là lương thế. Bởi vậy cần phải sống cả hai mặt, mặt ngoài ý thức lẫn mặt trong tiêm thức, thiếu đi bên nào là đổi sống sẽ quệt thiếu sót. Tất cả các triết trên thế giới cho tôi nay đều thiếu sót, không viết nổi chủ Hòa : bên Âu thì bên Ấn thì quá rỗ với cái triết trực vật vọng ngoài, trong là có vòng trong vị đầu luôn luôn hỗ trợ vào, nhưng vào sớm quá thì thiếu nội dung. Vì đã ra đầu mà có thể vào? Khinh chê những giá trị bên ngoài thì lấy chỉ làm đối cực cho bề trong, bề nội. Một triết lý chân chính phục vụ tư sự con người phải là triết lý «hợp ngoài nội chỉ đạo» và đó là triết lý Việt Nho biết lộ trong sách Dịch.

Ở đây ban đến biểu hiệu lớn nhất là hai lơi xếp 64 quẻ thành hai hình tròn vuông.

Vương chỉ đặt chỉ ngoài
Tròn chỉ triều chỉ nội
xếp đặt như sau

(Xem hình trang 29)
Hãy rút ra một vài chẩn lý hàm ngụ trong đồ biểu trên
1/ Tròn vuông **động thời**, động nội nén
2/ Tròn bao lấy vuông, mắc đâu
3/ Vuông tròn di ngọc chiều, nhưng cốt đề chỉ
4/ Hai đốt sinh sinh xoắn xuất lấy nhau.

1. Tròn chỉ trời, chỉ nội tâm hiện diện **động thời** với vuông chỉ đất, chỉ ngoại. Mặc đâu có phân biệt nội ngoại nhưng nội ngoại không bao giờ lý chất, đồ là nèn tâm tròn cho câu đó không được lỉ đó và lỉ đó mà chỉ tìm đó là truyền huyền hoắc. Chính vì liên kết không thể lỉ dụ chỉ một giây «bất khả tu du lỉ dĩ» nên không nèn chia theo lồi nhỉ nguyên một nưa lũ bử ещё trích tráng dã dối rỗi nưa sau sẽ đó đủ rủ cù li. Làm thế lỉ là làm trường đạo dời có thể lý biệt.

2. Vì vậy không thể chọn một bổ một mà chỉ có thứ lòng tôn transistor là «tham thiện lương địa» tròn ba đất hai hay là lấy tâm (ba) trùm cảnh (hai), hoặc lấy tình thanh nhuần thẩm vật chất để cho vật chất tâm linh **động nhất**. Hai dẳng không thể lỉ biệt. Hầu hết con người làm ở điểm này, để cao tinh thanh dến con khinh thể xác, trường vậy là cao, hóa ra cao trường trường. Cao thất lỉ tất cả đều lên nội ngoại xoay ốc cùng tiền lên. Không có cái vu tinh thần đi lên một mình được.

3. Vì thế mà đó biểu nội lên tính chất ngọc chiếu, ngoại di ngọc trong. Đây là một sự ngọc chiếu quan trong vì thiếu thời thì sẽ mất liền hệ biến chứng vốn cần hai cực. Dánh mất một cực là đánh mất biến chứng, đánh mất **tuồng quan** tức mất **phạm trừ** nên tăng của triệt lý nhân sinh. Thiếu nó là thiếu tất cả, là đánh mất nét đẹp đối, và còn người tất trừ nên một chiếu. Bởi vậy toàn quyền Kinh Dịch đều nhắc nhỏ rằng đối sống như lỉ con đường có hai đốt, đốt ngoại khác đốt trong. Đốt ngoại
mạnh về tần, đốt trong mạnh về tự. Đốt đầu từ quê cản (số 44) di tới quê khỏi (số 32) về bên hữu chỉ chủ văn. Quê cản mới có một chút âm bên ngoài (tận cùng) theo đường tiền đồ thì âm thêm lên cho tới quê khỏi thì toàn âm tức con đường tiền ra da tap, học hỏi, tất cả cho đến cùng đó là bắc văn, cũng như án làm cho tới lúc có cả nhà, con cháu, chất, chất. Từ lúc ấy mà còn cứ tiếp tục chao vắt thì là trục vật, vi thế phải sửa soạn mungkin để phục sinh (số 21) để phục sinh của Triết xây ra vào quang qua nữa đối người chung quanh lực có chất.

KIM ĐỊNH

GÓP NHẠT CÁT ĐÁ

Thiên sư MUJU; Bản dịch của Đỗ Đình donc. Tác phẩm viết vào thế kỷ XVIII gồm những màu mâm chuyện Thiên vui, lạng... như những hạt cát, những viên đá ném vào lòng dài đường tiệm thực làm loe lên vùng ánh sáng huyền diệu muốn đối bit bước màn thể nhịp nhất切れ khuất.

Những hạt cát, những viên đá... đánh cho những ai muốn thấm dò, khai phá xuyên vào và thế hấp với côi SÁNG LUNG LINH ấy của chính mình.

Nhà sách «bò túi» (tai nhua xuất bản Lá Bồi) lô 0 số 121 chứa của Minh Mạng Sài Gòn 10, đây bản sách của cai nhà Xuất bản uy tín: An Tiềm, Can Dao, Cao Thom Hồng Hà, Hoàng Hạc, Nguyễn Hiền Lê, Lừ Thiền, Thái Đỗ, Tu Thư Văn Hạnh, Sáng Tao, Võ Tánh, Lá Bồi v.v... Dành nhiều hoa hằng cho bạn đọc và thân hữu đến viếng mua tại nhà Xuất bản.
GIỚI Hạn trong phạm vi lý luận, chúng ta tóm tắt nét đặc trưng của kinh Dịch: gimm đi hóa bằng TƯƠNG và cụ thể hóa bằng SỐ. Tức là gì chiếu van hữu về trên một căn bản động nhất mà kinh Dịch gọi là Thiên hạ chỉ dòng, trình phủ nhất, hay dòng quy vì như thể đó, nhất tri như bách lự - từ nhiều hướng nhưng cùng về một chỗ; cùng một mục đích nhưng có trầm nghĩ mỗi nghĩ. Vì động, cho nên có thiện sai van biệt; nhưng tất cả chúng khối di tự cái một và trở về trong một cái. Nếu vậy, khi đã qua chiếu được van hữu vào căn bản động nhất, người ta có thể phân phối cái dòng thiên sai van biệt trong thiên hạ thành tất tự có qui cu. Y trường then chốt ở đây là: Tại thiện thành tương, tài địa thành hinh. Trường, có thể được hiểu như là những nguyên tắc tiên thiên. Khi những nguyên tắc này được ứng dụng vào các lãnh vực cụ thể, chúng sẽ là những sự thực hữu hình trong một trạng tự cần xứng. Trong toàn học, đó là trạng tự lý đối. Chúng ta khôi đầu từ khai niệm về một trạng tự
căn xưng này để đi đến sự ứng dụng về Sở của kinh Dịch trong lãnh vực lý luận.


Sự căn xưng trong thể giới hữu hình được kết theo loài và nhôm. Như vậy, khi đối chiếu với các biểu tượng tiến thiên, hay bất quá, thì mỗi biểu tượng trong thể giới hữu hình đều truyền giữ tại một phương hướng: khám, chính Bắc, cẩn, Đông Bắc, độa, chính Tây; vân vân.

Khái niệm về một trạng tư căn xưng như vậy có hiệu lực như thể nào khi được ứng dụng vào đường lối suy luận?

Ô trình đỏ gần như tổng quát của mọi đường lối suy luận, ta có thể lấy thị dụ từ Thiên thái tổng (một trong các tổng phái của Đại thừa Phật giáo Trung hoa). Cái đặc sắc là người ta căn cứ trên đường lối theo như sự hướng dẫn của Dịch để thu triệt những khái niệm rất trừu tượng và rất xa lạ đối với truyền thống tư tưởng Trung hoa. Tổng này lấy só Ba làm số trạng tư căn xưng của luận lý, hay một tập hợp luận lý nói theo danh từ luận lý học Tây phương (combinaison logique), và hồ gọi là TAM VIỆN DUNG. Đại cương, khi vân dùng, tổng này sử dụng những cấp tượng phần trong một tập hợp luận lý, gọi là cấp song phi và song chiều. Một tập hợp luận lý của họ gồm có ba
thành tổ cần bản: KHÔNG, GIÀ, TRUNG. Mỗi thành tổ sẽ được thiết lập bằng những biến thiên như hủy diệt và tồn tại, rồi khi vượt qua cả hai trường hợp đó, người ta có một sự thực bên trên tất cả khải niêm. Nghĩa là vượt qua tính cách đối đãi hay phân định của một khải niêm bằng song phi và song chiếu: khải niêm trửu tương được đưa vào thực tế cụ thể.

Lời suy luận trên đây, có thể có nhiều đường tổ chức bản mà ta có thể tìm thấy thường xuyên ở Dich.

Ngày nay, người Tây phương gọi con số ba của kinh Dich, là một tập hợp lan lụy, là con số thân biết của tính phân phối và tập hợp (permutation et combinaison). Chúng ta dùng nghĩa con số ba ở đây là con số của một quả tri ihn biến chứng. Nội kinh Dich, ta biết mỗi một quẻ của Bát quái đều gồm có ba hào. Xría kia, người ta thường giải thích vì có ba lãnh vực hay ba cấp bậc của trách tự: trách tự của thiên giới, trách tự của nhân giới và trách tự của vật (không phải vấn hồi). Nghĩa là TAM TÀI. Vì vậy, một quẻ có ba hào. Chúng ta cũng có thể hiểu điều này theo một chiều hướng khác. Trước hết, có thể có số ba như là biểu tượng của sự ổn định và cân xứng, nghĩa là hợp lý. Khi nói đến hợp lý của tương quan nhân quả, một tương quan động thời, cái này gặp vào cái kia và người lại mỗi cái vừa nhận vừa quả; để diễn tả sự hợp lý này, người ta lấy thí dụ về hình ảnh kim tự tháp của những cây gậy tựa vào nhau. Và lại, trong các nền luận lý học cổ điển, với tam đoạn luận của Aristote, hay với nhân minh học của Digna Ấn Độ, người ta thấy một lập luận vững chắc được phân phối theo con số ba, với ba mệnh đề. Một tập hợp luận lý, như vậy, tự căn bản là một tập của số ba. Theo đó mà nói, con số ba tương trưng cho ý niệm về một sự hợp lý vững chắc của các tương quan nhân quả. Đây chỉ là những tương hợp gọi ỷ. Dù vậy, tất cả, có
I. Một trong Tất cả
II. Tất cả trong Một
III. Tất cả trong Tất cả
IV. Một trong Một

Nói tóm lại, hâu quái của một chiều hướng lý luận "TRINH PHÚ NHẤT" sẽ dẫn đến một thế giới quan như vừa kể.
Một trường hợp diễn hình khác có thể xảy ra ở đây, để xác định lợi luận TRINH PHÚ NHẤT của kinh Dịch ấy.

Đây là trường hợp của Trí Nhiệm, tác giả của Hoa nghiêm nhất thưa tháp huyễn môn, vị tổ thư hai của Hoa nghiêm tôn gốc. Ông lý luận về sự tăng và giảm của một và muội, theo hai chiều hướng thường và hướng hà, để giải thích thế giới quan vô tận; và con sở muội được gọi là Tháp vô tận.

Trước hết, ông chia hai trường hợp trong quan giữa một và muội: đi thế và đồng thế. Trong mối tương quan đều có tăng và giảm. Dĩ nhiên muốn tinh sự tăng giảm này, người ta phải lấy sở một và sở muội làm chuẩn đích. Một chỉ cho sai biệt và muội chỉ cho toàn thế. Rồi ở đi thế và đồng thế, mỗi trường hợp lại được chia thành hai:

I. Một trong Nhiều, Nhiều trong Một
II. Một từ Nhiều, Nhiều từ Một

khái niệm về trạng tự cần xứng, chúng ta cũng bất gặp cái thể giới quan vừa kể.


Tất cả những thí dụ diễn hình đã nêu lên ở trên tạm thời cho chúng ta một nhận quan bao quát về đường lối vận dụng trong phạm vi luận lý, gọi hướng từ khái niệm về Sổ của kinh Dịch. Vì không thể đi sâu vào chi tiết như một trong khảo cứu chuyên môn, chúng ta hãy dũng lại trong giới hạn vừa nêu.  

TUỆ SY
LỊCH SỬ VĂN MINH ÁN ĐÔ
WILL DURANT • NGUYỄN HIỆN LỆ (Dịch)

"Lịch sử nhân loại như một dòng sông đủ dài khi đầy máu và xác những người chém gieo nhau, cuộp bọc lẫn nhau, mà các sứ giả chỉ thường chèp những hành động đó thôi. Nhưng trên bờ sông còn có những người khác cất nhà, làm vườn, nuôi con, làm thơ.

Các sứ giả khác bi quan vì không nhìn lên bờ; Will Durant, trái lại muốn cho nhân loại một bài học lạc quan và tương thân tương ái, nên cùng với vị, bà Ariel, bảo ra bổn chúc năm, đọc bốn, năm ngàn bốn sách, may mắn làm lách khắp thế giới, để soạn Lịch sử Văn minh "The Story of Civilisation" được khắp thế giới khen là bộ sưu nhiều tài liệu nhất, hàp dẫn nhất và có tính thành khoa học nhất của thời đại.

Bộ sử vĩ đại quá — bàn Pháp dịch gồm 32 cuộn, mỗi cuốn khoảng 500 trang — chúng tôi chửa thể dịch hết được, hãy xin giới thiệu trước hết cuốn thứ nhất: Văn minh Án Đô, vì chúng ta thấy hào ráng, nhờ vị trí của giang san, được tiếp thu cả hai nền văn minh Trung và Ấn, mà sự thật cho tới nay được biết rất ít về VĂN MINH ÁN ĐÔ.

Đọc giả sẽ được giọng văn của Ông lội cuốn suốt 600 trang và sẽ hiểu những nét dài cương nén triệt học học và cùng thấm thía của ÁN ĐÔ, thì ca trầm hùng và kiêng trực vì đầy của Án Đô, những nhân vật ki đì trong 6.000 năm lịch sử Án Đô, những phong tục lạASS, nhất là đôi sông bi dắt của dân tộc Án Đô.

LÁ BỘI xuất bản
CUỘC TÌNH CỦA KIERKEGAARD

Oh ! le vert paradis des amours enfantines
BAUDELAIRE

CHỌN HÀNH

THẾ kỷ XIX là thời hoàng hôn của triết học hiểu theo nghĩa tri thức hay hệ thống, với sự xuất hiện rằng rõ và vị đại của hệ thống Hegel, một hệ thống của những hệ thống, một tri thức của những tri thức, với tham vọng bao gồm tất cả những hình thái khả hữu của tinh thần trong di vãng, hiện tại và cả tương lai. Hegel đưa triết lý đến chỗ tự thành và do đây khai tử triệt lì. « Con chim thành Minerve » đã gây cảnh trong budhi chiếu tạ, nhưng từ tiếng kêu tha thiết đó, một bình minh mới đang lộ dạng với những tên tuổi đi thường như K. Marx, Schopenhauer, Nietzsche và Kierkegaard.

Kierkegaard không phải là một triết gia đầu tiên tuồi ông gần liên với những Heidegger, Jaspers, Scheler, Sartre...; cũng không phải là một người Ky tổ giáo đầu tạ cả những tác phẩm của ông là một bài kinh câu trong tuyệt vọng, nước mắt và thành kinh vô biên. Kierkegaard chỉ kiểm tồn tự xem mình
như Napoléon, Alexandre đại dề... là cảnh dậm dồng khác nhau vào một Chúa Giêsu, là hình ảnh dầm mầu không khô của Chúa lực thạo hình trên hấp thụ giá, với con hập hỏi kéo dài trong sự run rẩy toàn thân, với mủ gai nhọn trên đầu, con khát chạy hong và tiếng kêu thêt cười cùng phát xuất từ nội bộ vợ cùng đó: «Cha ơi, sao nỡ bỏ con!». Xen lăn với lối rắn đầy về những đức hành được dầy tôi một mức độ thật xa với, thật lý tưởng, là hình ảnh những người tư đạo hy sinh sự sống ngăn ngừa người để nhận lấy sự sống đời đời. Những gì liên hệ đến tinh dực đều bị xem như một tội trọng. Ý niệm về tội lỗi mồ hôi thành hình trong đầu ông Kierkegaard, làm cho cầu khieeep sợ trước một cái gì không có hình thể hay tên gọi rõ rệt. Một hồn trong bửu an, cha Kierkegaard bảo rằng: «Có những tôi lói mà người ta chỉ có thể chiến thắng được với sự phù trợ không ngừng của Thương Đức»; nghe thế, chàng thành niên 24judul liên bó bạn an chạy vào phòng riêng nhìn kỹ mặt mình trong gương, như muốn dò tìm một nỗi gi bỉ ẩn (Journal, 1837).

Trong bầu không khí như thế, Kierkegaard thấm nghiêm và mang nặng trong lòng một mối sâu náo, lo lắng thêm kin, không bao giờ người quay. «Ngay từ thời thơ ấu, một mùi tên sâu náo đã cảm chất vào tim tôi. Chứng nào mùi tên còn năm đó, tôi còn là người u mê — tôi sẽ không sống nói nếu có ai rút mùi tên ấy ra» (Journal, 1847). Kierkegaard đã học được nghệ thuật mang mặt nạ giả trang mà sau này chàng sẽ tận dụng trong vô số những bất hiệu; trong lòng bị xâu xé vì nỗi u sâu quỷ đì những chàng văn che đầu được dưới bê ngoài yêu dối vui tươi, ham sống; và lại vui thú khi chỉ một mình chàng là biết được bỗ mặt thật của chàng.
CHỌN HẠNH

Thế nhưng, một câu hỏi được đặt ra làm dâng lời hân hạnh cuộc đời bình lặng và vãng phục của chàng thanh niên sung tinh: "Tại sao cha chàng, một người hết lòng giữ gìn giới luật, hết lòng sám hối, hết lòng kính tìn và phùng thơ Thương đề như thế lại vẫn không tìm được sự bình an, vẫn không dứt bỏ được nỗi lo lắng cảm lưng?"

Câu hỏi như một cơn động đất xo Kierkegaard vào một nơi tuyệt vọng không dãy. Chứng nào còn vang lên câu hỏi, mối niềm vui trên trái đất kỳ diệu này đều chỉ là ảo ấn, mối hy vọng đều tan lửi, và cuộc đời trăm thê chỉ là một tiếng than dài không dứt. Mũi tên đã cảm sâu thêm vào trái tim tan tành. Kierkegaard phải đem trọn đời sống con hói hối của mình để đặt vào một hành vi trạng liệt: nhơ bắt mũi tên đó ra.

"Tại sao cha mình lại không hạnh phúc ngay trong đời sống này, đâu ông dâ phỏ thạch hết cuộc đời cho tôn giáo, trong một lòng tìn mồ chựa từng thây, trong nỗi u sắt ngay đêm?

Vậy trong tôn giáo của người cha, tất có một điều gì bất ổn. Mâm nói loan đã được gieo trong tâm hồn Kierkegaard khi chàng 22 tuổi. Nhìn rõ sự thất bại của tôn giáo mà cha chàng dằng quy ngưởng, chàng náo lúc đi tìm lấy cho chính bản thân mình một lý tưởng để "sống" và để "chết", bước đầu của phần ứng chồng dối lại quyền lực của người cha. Chàng muốn nhìn sâu, thật sâu vào nội tâm mình để tự nhận diện cho thất rô; chàng muốn đi tìm lấy một chân lý cho chính bản thân mình, "một chân lý cho tôi", nghĩa là chàng khinh bỉ tất cả những chân lý khách quan vô hồn của những tòa lâu dài lý thuyết, những hệ thống đó số những vắng bóng người
vi chính tác giả của chúng cũng đã cử ngu, đá «sống» ở một nơi nào khác chứ không hề sống với lý thuyết, hệ thống (Journal, 1835). Điều thể hại nhất của hệ thống nào bất cứ, nhất là hệ thống Hegel đáng toàn thống, là nó đã thû tiêu sức sống, sức đam mê của cá nhân, đây cá nhân vào một cuộc đối nhött nhất, thiếu màu, vệ sinh khí. «Kẻ nào tự đánh mất mình trong đam mê còn ít mất hôn là kẻ đã đánh mất đam mê». Có đam mê là có được tất cả đời sống, đời sống toàn cấn và đời sống siêu nhiên; một trăm một triệu quan điểm trừu tượng về đời sống cũng không bằng một kinh nghiệm khác sống thực trong nội đam mê trên bổ. Kierkegaard say sầu với hình ảnh Don Juan, hiện thân của Đức Vong thuận tùy; Faust, hiện thân của Tri Thức thuận tùy và Ashavérus, nội Tuyên Vong đầu thai làm người; chàng tim thấy nội những nhân vật ấy cũng một nội khao khát, ray rực nóng bồng.

Lừa đam mê đã nói. Và chàng sinh viên thanh học lẫn đâu tiên xa nhà trả thù quả khứ buồn thắm bằng cách dót đời mình trong những kinh nghiệm lạc giác quan. Chàng hồi hả chup bất lài tuổi trẻ, chàng với và đến đó như người «roi tüm vào chenh đời thay vi kẻ mới nhất chén». Chàng chưng điện theo kiểu thời trang mới nhất, chàng xuất nước hoa thơm ngọt, chàng chạy đuổi theo những nhân sắc tươi trẻ, chàng thơm đầu đùi vi sọ thời gian quá ngắn. Bao nhiêu tiến trình cấp chàng tung hết vào những đếm vui. Những đếm cuối ọn áo giữa đam bán hè trên tuổi, trong tiếng âm nhạc trăm tiếng lớn, những giờ phút te điemos ngọt ngát ngày trong tiếng khúc nữ cuối trên sân khấu, những đời mới nóng nàn của bây chiều nữ xin thoi vày quanh chàng thanh niên hào phông. Chỉ trong vòng một năm
ngạn ngữ, chàng tiêu hết của gia đình sợ tiền trong đường với mối triều đồng, và mãi đến một năm sau người cha giàu có vẫn trả chưa hết nợ cho đứa con phòng Đăng. Kierkegaard muốn sống theo gương Don Juan, "muốn chạy rào qua trong con bão hoang đường cái vòng dài vì đại và kỳ diệu kết bằng những hình ảnh đàn bà kiểu điểm, muốn mâu; muốn bay lưu luyến khắp không gian, chờ nào có nhân sắc chậm nở để quỵ xuống trước mỗi nhan sắc, để chiếm đoạt được nó dù trong khoảnh khắc nào thôi." (Don Juan). Chàng virtù bở, khinh thị tất cả để lồng mình luôn mỗi mẻ trước mỗi cảm xúc. Chàng dắn toàn thân vào mỗi một cục vồng bề nhộ nhất. Chàng tự tạo nên những thế giới than tiễn và những ao tưởng, chàng mơ mộng đến một hành vi không bao giờ thể hiện trong thực tế. Régine Olsen gặp chàng là đầu tiên vào giai đoạn đó của đôi chàng, giai đoạn mà sau này Kierkegaard mệnh danh là giai đoạn hiểu cảm (l'esthétique, hiểu theo nguyên ngữ Hy Lạp).

Nhưng sao trong những con vui ảo ạt vạn thấp thoáng mỗi u sầu quỷ dụ? muốn chạy trốn mỗi sự, chàng đã đem hết xung quanh màu và hôn phách lao vào cuộc vui; những đây lại là một nghi thức lý dị kỳ: càng âm ỉ reo cười, nội chán ngán càng mềm mỏng và làm tấm hôn ta té liệt. Một năm trước ngày gặp Régine, giữa một buổi tối đêm, nội chàng là linh hồn chính và đang được đầm ngập váy quanh người mới, Kierkegaard bỗng lặng lẽ bó về nhà và có ý "muốn bàn vào đầu mình một phát" (Journal, 6.1836). Đó là giây phút mà ý thức Kierkegaard vứt bỏ vội vàng để soi thảo tạt cả những bi đát hãi hùng của kiếp người. Giây phút mà chàng lạnh toát cả người vi chết nhận chân ra rằng cái giây phút hiện tại đây không bao giờ trở lại
dược nữa, cái giấy phut phù ảo tuyệt với như màu khối này chỉ xảy đến với một lần trong vinh cứu, chẳng không hy vọng khối lại được một lần nào nữa trong đời. Ý thức bi đát cả từng dòng sống phi luân thường nhất của con người hiểu cảm nơi chẳng, chiều đói cho chẳng thấy tính cách bất liên tục và phân tán của những cảm giác; nơi con người hiểu cảm chỉ có một sự liên tục độc nhất là sự liên tục của đau khổ và đời cái bè ngoài vô cùng phong phú của những cảm giác luôn luôn đời mới, như hiểu cảm (esthéticien) thật ra vô cùng nghênh nan vì ý cứ tự hủy hoại mình trong từng giấy phut đề dúc vong của ý được trở tề mải. Y nhờ đó rồi quên đố, đồi ý được kết bằng một chuỗi những trạng thái rồi rac. Do đố cuộc đời của người hiểu cảm vinh viễn là một hoài vọng quá khứ và một khao khát trong lai, nhưng luôn thất bại vì thời gian không chảy ngược dòng lại được như y mơ tưởng. Con người hiểu cảm thất bại trước thời gian vì chiến trong một tương quan sai lần đồi với thời gian. Ý thức bi đát ấy là đặc điểm của một chẳng đồi mới, tách li khỏi cuộc đời trước; và một con người u mê (ironiste). Kierkegaard không còn ngày thơ dàn hết mình vào mỗi một cảm giác nữa, nhưng chẳng biết để đánh một số năng lực căn thiết để mỗi sau muộn nhất thiết tối sau đố không quả ề chê. Mỗi sau dược chẳng dàn trái rừng ra cho với bớt ướt ướt đố: chẳng say sưa trước vẻ có đơn tích mịch của những miên trường vấn, nơi tương chẳng như lần gió lạc loài trầm ngàn năm trước vẫn còn đăng thơ vị; chẳng tim khuây lăng trong những truyền thần tiên và thần thoại đánh cho trẻ em, chẳng hồi tiết không được sống trong thế giới cố Hylap. Càng có trộn thoát lui sau vậy bưa bằng cách phong mình ra ngoài chẳng càng bị siết chặt lại. Mỗi sau nào quả mong menh, vô
hạn. Kierkegaard không thấy hành phước và bình an cuối chao-
ma chỉ cảm thấy "tất cả những bông hoa của hồn tôi đều biến
thành bằng giá" (Journal, 1837). Kierkegaard tuyệt vọng. Chẳng
cũng sống như người đã chết, như cha chẳng. Mỗi đời sống,
hưởng cảm đều chỉ là tuyệt vọng vi tính cách rõ ràng, phân tần
của nó làm cho mỗi một hành động đều trở nên vô nghĩa. Thay
vi tim kiểm những giá trị ở nơi chính mình, con người hiểu
cảm, con người u mê vì muốn chay trộn chính mình nên cử
mai phòng ngoại, tìm kiếm những giá trị của cuộc sống ở bên
người mình. Họ không thể tự nhận định một cách rõ ràng và
sáng suốt. Họ không tự sợ đắc được chính họ. Nếu rồi bỏ thái
đô phòng ngoại, họ chỉ còn một con đường là trở lại chính
minh, nhưng khi họ trở lại xem mình như một tuyệt diế
như một Thượng đế, và do đó chừng đổi lại Thượng đế. Vì
con chung đổi với một thực vật bên ngoài, họ cũng không sợ đắc
dược bản thân một cách toàn vẹn. Trước cả hai con đường bất
khá đê, Kierkegaard nhất thiết phải tuyệt vọng. Cuộc đời như
những dòng cát lót qua kẻ tay trên biển. Con người phải đổi
dien với chính Hư Vô của đời mình, trong sự tuyệt-vọng thanh
thốt. "Nơi sâu của tôi là con tuyệt vọng đang gào thét" (Jour-
nal, 1837). Chính nơi sâu đó đã phân cách Kierkegaard với chính
chàng, và tuyệt vọng này sinh từ sự phân cách không thể vượt
Thế nhưng, trong tuyệt vọng, con người đang tiến dần về
con đường phổ biến của kẻ người, vi mỗi người không
ít thiếu đến sống trong tuyệt vọng. Từ tình trạng tuyệt
vọng họ sẽ tự lựa chọn chính mình nghĩa là bước vào lãnh
vực hiện sinh thục thu. Do đây, kẻ tuyệt vọng nhất trong loại
người chính là kẻ chẳng cảm thấy nơi lòng mình may may
tuyệt vọng; lúc đó họ chẳng khác gì một vật thể.
Con người hiểu cảm, con người u mê, con người tuyệt vọng: ba giai đoạn của một đoạn đời được Kierkegaard gọi tên chung là đoạn đời hiểu cảm hay lãnh vực hiểu cảm (l'esthétique). Tuyệt vọng sẽ đưa ta bước vào một đoạn đời mới, qua trung gian của u mê (ironie): đoạn đời đức lý hay lãnh vực đạo đức.

*

trong quan với Socrates. Qua sự chọn lựa, chàng muốn đặt đến tuổi trưởng thành, nghĩa là trở thành chính mình, vi lẽ « điều cao đại nhất không phải là cái này hay cái kia, nhưng là chính mình ». Khi mình là chính mình, mình là người khai sinh ra đời sống dào đục, bởi vì khi tự chọn, con người đã sáng tạo nên hai cực thiên, ác. Chọn làm chông, Kierkegaard đã chọn cuộc hòa giải giữa tất yếu và tự do, khỏi môi một dòng thời gian mới khác với dòng thời gian bất phục phán của chàng lang tử, thời gian của một kẻ sống chung với một triều núi hiện là vợ CỦA Y. Điều vô cùng quan trọng nữa là: trong khi tự chọn, con người tự ý thức mình như là một chủ thể tự do và tuyệt đối có đơn, vì không có bất kỳ kinh nghiệm nào của bất kỳ ai có thể trợ giúp tôi trong sự lựa chọn đó. Xét trên bình diện dược lý, mỗi người đều là một cái thể có lập. Nhưng thực ra, mỗi cái thể trong đời sống dược lý đều liên kết mật thiết với nhau trong ý niệm bốn phần, ý niệm biểu thị yếu tính thấm thiết nhất của cái thể. Sống đời dào đục là thực hiện « cái tổng quát » (le général), cái có thể áp dụng cho mọi người, ở mọi khoảnh khắc.

Thế nhưng Kierkegaard không phải là một người bình thường như bao nhiêu người khác, vi thế chàng không thể đảm đương các bốn phần một cách bình thường. Nhưng ẩn trong tuổi thơ về tôn giáo không bao giờ phải nhất, nơi sao muốn khó hiểu vấn bầm chất lây chàng. Chừng tự như một vết thương bị mất, không thể tổ lọ với ai được, và ngăn cách chàng với những người lãnh mình bình thường. Trong đời đời của cuộc đời, chàng mê đến một tuyệt đối miên viễn; những năm
thiếu thời tác lìa thực tại đã khiến chàng mất hết những điểm tựa cuối cùng. Chàng sẽ cố gắng để vòng lên tuyến độ đông thời cứu văn, bảo trì đường cái tương đối, thực hiện một tổng hợp giữa vô hạn và hữu hạn cho bản năng mình ngày tại có đối này. Văn đề kết hôn với Régiene Olsen đặt ra cho chàng những câu hỏi đầy xao xuyến. Với bạn chất u sầu, kỳ di, khiến chàng là một ngoại lệ, một kẻ lạ & cói đối này, chàng có đem lại hành phúc cho Régiene được chàng, hay chỉ khiến nằng thêm khó số? Bis vậy hâm trong những tình cảm không kịp không tên gọi mà nhiều khi chính chàng cũng không kiếm soát, chỉ ngư nói, chàng có nên kết hôn với người thiếu nữ ngày thơ trong trạng áy không? Sau cùng, câu hỏi quan trọng hơn cả là: liệu chàng có nên kết hôn không, khi chàng biết chắc chân rằng một khi đã trở thành vợ chàng, người thiếu nữ ấy đồng lúc sẽ hết còn là người tình lý tưởng chàng đã tình yêu? Chàng miên man truy vấn mình. Chàng muốn tìm thấy lại người tình lý tưởng thuộc xửa dưới khuôn mặt người vợ hiện nay; chàng tham lam muốn làm thành bất tử cái giá như thực băn đ確認 diệm tuyệt khi đối lòng giao nhau; chàng muốn lưu giữ mãi cái khoảnh khắc nguyên sơ, xuyến quan động thời gian dần liệt, huy hoàng và kẻ lời di tát cả. Một năm sau ngày đình hôn, mặc dù chàng và nàng vẫn yêu nhau thà thiệt, Kierkegaard quyết định cắt dứt cuộc tình, huy bỏ lỡ đình hôn, trong sự kinh ngạc của mọi người.

Song quyết định này vẫn chưa phát vở được bể tác của văn đề, vì lẽ giãn chỉ là văn đề không thuộc bình diện luôn lý mà lại thuộc bình diện hiện sinh, không khi nào giải quyết một lần cho mãi mãi. Thêm vào đó, mặc dù việc huy bỏ cuộc đình hôn
dã xong xuống, khi gặp Kierkegaard trong một buổi lễ ở nhà thơ, Régine đã bị mat ra hiểu với chàng. Trong đau đớn, run rẩy và sợ hãi, cầu hôn lơn vòng trong tâm trí Kierkegaard: có cách nào quay trở lại dự định kết hôn được chàng? có cách nào thoát khỏi sự dễ biết với dòng loạn, làm chàng thành một ngoại lệ; thoát khỏi mối sao muốn quá quý? Nói đau đớn làmanswer tuôn tràn dòng sông tạo气温 an nơi Kierkegaard; chàng say sưa, sang tác để giải toa lòng mình và để tự biến mình trước Régine, đầy nặng vào sự chốn lũa. Mỗi tác phẩm mang một tén giả khác nhau, kheen cho những gì giả bậy trong đó vửa có nghĩa là của Kierkegaard, vửa có nghĩa là không phải của chàng. Chàng nấp dưới những chiếc mặt nạ khác nhau với mục đích gợi đên cho người tinh cu mỗi bức thông điệp. Chân lý ở trong ruou (In Vino Veritas), Nhật ký của Chàng Quyen rũ Gai, Yi niem Xiao xuyn, Nhung giai đoạn của đường đời, Nhung mau van triet hoc, Tai but cho nhung mau van triet hoc, Sjr hoi khoi (Répétition), Sjr hai va Run rẩy, Con đau chét người (b.d. Traité du Désespoir)... Dàn đa, tự một vấn đề cả nhân, hết sức riêng tư và giới hạn, chàng mồ rộng nói dung bức thông điệp gợi đên cho tất cả mọi người trên quang địa của đau khổ.

« Nếu có đức tin, tôi đã ở lại với Régine ». 

Chàng không thể nào tin tưởng được rằng Régine sê còn mãi là Régine. Cả chàng Don Juan của đối song hiểu cảm lăn người chống của đối song được lý đều thật hại, không đạt đên lý tưởng. Sự tuyệt vọng lan tràn, và Kierkegaard ý thức được rằng sự tuyệt vọng không phải là một hành vi mà là một trạng thái. Mọi con người biết suy tư đều tuyệt vọng. Sự tuyệt vọng càng trầm trọng hơn nửa đời với một tin dỗ như chàng, vi ò
day, chang dang tuyet vong truoc mat Thuong de. Moi tuyet vong truoc mat Thuong de deu la toi loi, bat ke do la hinh thuc tuyet vong nao : tuyet vong vi thieu chieu huong vo han, tuyet vong vi thieu chieu huong huu han, tuyet vong vi song trong tat yeu, tuyet vong vi chi song thuan trong cai khah huu, tuyet vong vi khong tu biet minh la mot ban nga vinh cu, tuyet vong vi biet minh la mot ban nga vinh cu, tuyet vong vi khong muon minh la minh, tuyet vong vi muon minh la minh, van van (Traité du Désespoir, tt. 50-153). Toi loi nay co lap ca nanh khien ca nanh khong the thuc hienn duoc cai tong quat (le général), yeu tinh cua doi song dao duc. Trong sur le loi, ca nanh bo buoc phai thiet lap lien lac truc tiep voi chinh Thuong de, vuot qua hai doan duong hieu cam va duc ly de tien toi doan duong ton gio. Y the thuc duoc minh tuyet vong, y the thuc duoc tuyet vong truoc Thuong de la mot toi loi, vi the Kierkegaard cung biet rang sur giai thoat khoi toi loi do khong the nao tim thay trong doi song hon nan ca cua con nguoi duoc ly ma phai tim trong doi song linh thieng cua con nguoi tin do. Doi song duoc ly bi lay do tan tanh vi toi loi, va Kierkegaard se nhom thi do hai huoc (humour) de vuot qua doi song nay. Hai huoc phan anh y the ve toi loi cua ca nanh, vi « nhung loi le nguoi hai huoc thot ra deu la con de cua nhung noi dau don noi hoi » (Journal, 1837). Nhoh hai huoc, con nguoi lay do nhung gia tri nghiem nghi, quay tro lai thoi do tuoi mat theo thu au, tro ve voi nhung gi la nguyen so nhait. Cung nhu hai huoc, con nguoi tu nang minh len cao va tu chien ngrong minh trong Huy Vo cua doi minh. Hai huoc lai la mot cuoc phieu luru lieu linh vuot qua pham vi
ly trí, để mở ra lòng tin vào một điều phải lý. Để đó, hài hước là chiếc cầu dẫn đến đức tin tôn giáo.

* 


Nếu có đức tin, nghĩa là, nếu tôi là người tinh trung tìn, hết lòng yêu thương, tin cây Thương để, thì tôi sẽ có đức Régine, Régine sẽ là người tinh ngắn đời của tôi. Vậy, tôi có đức tin không, tôi có xứng đáng với Abraham không? Tôi có là Abraham không?

Trong Thanh kinh, khi Abraham đã trên 70 tuổi, Thương để hứa với người rằng đồng thời Abraham sẽ lan truyền trên mặt đất. Người chung quanh cười nhạo ông già thật tuấn cơn hy vọng có con con nói đời, nhưng Abraham vẫn tin lời Thương để như trước đây người đã nghe lời Thương để rồi bè què cha
tô để làm một người xa lánh vùng đất hứa. Thời gian trôi chảy, và lúc mà mọi người tuyết vong, trời Abraham, thì Isaac chào đón như một người đáp lại. Thế những Thượng đế lai bất Abraham phải chịu thêm thử thách...

«Và Thượng đế bắt Abraham phải chịu thử thách, Ngài phân: hãy mang theo Isaac, con của người, dắt con trai độc nhất, dắt con mà người yêu mến; rồi đi đến xur Morija, ở đó người hãy đặt Isaac lên dân hòa làm cuộc tế lể trên một đỉnh núi ta sẽ bảo với người sau».

Đó là một buổi sáng tinh mơ; Abraham thức dậy, saí người thăng yến cuồng cho lửa, đoán rối nhà cùng Isaac; từ kinh cửa sở, Sara dõi mắt nhìn theo bong hai người mền xuống thung lũng mãi đến khi bả không còn nhìn thấy gì nữa. Hai cha con im lặng đi trong ba ngày; buổi sáng ngày thứ tư, Abraham vẫn không nói tiếng nào, nhưng khi người mắt lên, người nhìn thấy đứa xa những đỉnh núi Morija. Người cho các gia nhân trở về, và nắm tay Isaac, người leo lên núi. Và Abraham tự nhủ: «Tuy vậy ta vẫn không thể đầu điểm con ta rằng cuộc hành trình này sẽ đưa nó đến đâu». Người đứng lại, đặt tay lên đầu con trai để ban phúc lành, và Isaac quy xuống để nhận sự chúc phúc. Khuôn mặt của Abraham lúc đó là khuôn mặt của một người cha; đôi mắt người hiện dịu và giống nơi người đây khác lạ. Song Isaac không thể nào hiểu được người, tâm hồn câu bé không thể vươn cao lên đến đây; câu ốm chằm lạy chân Abraham; câu phủ phục dưới chân cha để câu xin cha đừng giết mình; câu khẩn nài cho tuổi thanh xuân cùng những hy vọng tươi đẹp của câu; câu nhặc đến nơi vui trong cánh nhà của cha, câu gọi ra nơi buồn và tình trạng có
đơn. Lúc bây giờ, Abraham đứng đây, cầm tay cầu trước di, giọng nói của người đây vô về khích lệ. Song Isaac không thể hiểu nổi cha mình. Abraham leo lên ngọn núi Morija; Isaac vẫn không hiểu nổi người. Liên dò Abraham quay mặt đi nơi khác và khi Isaac nhìn thấy lại giống mặt của cha mình, cầu nhân ra xuống mặt đó đã hoàn toàn biến đổi, với đôi mắt dữ trợ cùng những đường nét thật không khỏi. Abraham tóm lạy ngục Isaac, vứt cẩu năm dại trên mặt đất và bảo: «Đồ ngốc! Bồ may mắn tạo là cha của may thật sao? Nó chỉ mở biết, tạo chỉ là một kẻ tôn thờ ngẫu hứng. May mắn tạo đang vắng theo lệnh Thiuron để chắc? Tao chỉ làm điều gì tạo khoái». Nghe thế, Isaac run sợ kinh hoàng, và trong con xao xuyến tốt cùng, cầu kẻ to: «Xin thương xót lạy con, hồi Thiuron để trên trời! Thiuron của Abraham, xin Ngài rũ lòng thương đen con, xin Ngài hãy là cha con, vì con chẳng có người cha nào trên trần thế! » Lúc ấy, Abraham thầm thi với mình như con gió thoáng; «Lạy Thiuron để trên trời, con xin cắm tạ Ngài: bổi vì chẳng thể Isaac trưởng con là một quỷ chứ không thể được tin nổi Ngài». 

«Khi đứa bé đến tuồi phải dứt sầu, người mẹ bỏ đứa đến đời vô(Op, vi thật là tai hại nếu đời như hoa vẫn giữ nguyên vẻ hấp dẫn trong lúc đứa trẻ không được sơ đên nữa. Như thế, đứa bé tin rằng mẹ mình đã thay đổi, trong khi thật ra tấm lòng người mẹ vẫn yêu nguyên và đôi mắt người mẹ vẫn luôn luôn đầy triu mưa thương yêu. Phúc thay cho kẻ nào khỏi phải cần đến những phượng thể nhưng khó phá hồn được cho con dứt sầu!»
(Craint et Tremblement, tt 8-10).
đều sống trong một tình cảm sờ hãi; họ chỉ có thể bước tới
chữ tuyệt niệm không thể thường xót Abraham. Có đơn với
dạng loại cùng chưa thể thấy bằng có đơn với cá chính mình.
Ngay Abraham cũng lại không thể tự biến họ, giải thích hành
vi giết con đó đối với chính ông, lý do giám đi là vì Abraham
dã khước từ lành vực của cái đồng quất, trong đó có ngôn ngữ,
phương tiện thiết yếu để giải thích, biến họ, kể gọi cảm thông.
Bi phù kin trong hai lần có đơn ấy, Abraham là một kẻ sống
trải biến kich đEn hai lần.

Kierkegaard cũng ở trong bi kich trong tự. Huy bo cuộc
dính hồn với Réguè, chăng là một kẻ phán bối, nhưng chăng
vạn không có phương thể nào để biến họ trước Réguè, trước
các người đường thời, trước chính mình. Chăng muốn nói
trong Abraham, từ khước kế than yêu nhất đối mình trong
một hành vi bị xả họi lên án, để rồi sau đây có được người
than yêu đó đối đối. Isaac, thoát chết nhờ một phép lạ phi lý,
sẽ mang đến cho Abraham niềm vui van bối; tất cả niềm vui
vơ trường ấy, Abraham chỉ đạt được nhờ đức tin. Abraham
buồng hờ tất cả để rồi được lại tất cả, được lại đEn hai lần tát
cả, vi Isaac thoát chết chẳng phải là Isaac thường nhất trước
dó. Nếu Kierkegaard xứng đáng với Abraham, nếu Kierkegaard
có được đức tin kiên cố, thì mắc đâu sự phá vỡ cuộc định
hơn hai người văn đối đối thuộc về nhau trong một cuộc định
hơn không có ngày tháng. Mỗi liên lạc ấy sẽ tre trung và
một mọi luôn luôn như tính yêu будi ban đầu giữa Réguè và
Kierkegaard.
Chẳng cũng tự mang mặt na với Régine sau cuộc chia tay 
y hết như Abraham đã cố tạo nên vẻ mặt hung ác đối với Isaac. 
Kierkegaard lẽ là những chốn ăn chơi phóng đại để đành lựa 
Régine, để Régine trưởng thành chỉ là một kẻ sa doa. Chẳng 
muốn tự mình sống cho cùng kiệt y trường tồn giáo, xã lìa tất 
cả, lang thang với của đau dấy nhất là đức tin, y như chẳng 
hiếp sê trong thương lang thang với nội chết, chiến đấu hết sức 
minh cho đến khi toàn thắng. Cuê chiến đấu ấy là cuộc chiến 
dấu chống lại chính Thượng đế để đe đặt đến lặc phục trong tình 
thương của Thượng đế, nên nội vô địch hồn tất cả những gì vị 
dại nhất, nó kiểu đúng hồn tất cả những gì kiểu đúng nhất, 
và đam mê hồn tất cả mọi nội đam mê. Đức tin chẳng mong 
trở là một nội đam mê thuận túy, thiêng sách tất cả đạo đức, 
trí thông minh, suy luận, tình toan, ngàn ngại, e de. Đức tin 
là một điều phi lý tuyệt đối, hay nội đúng hồn, người có đức 
tin là người muốn điều không thể được, họ là một kẻ khước từ 
ghét cả những gì ngoại tai mà lại muốn rạng khi sở hữu được 
nội tâm tính đích thực của mình, họ lại đồng lúc sở hữu luôn cả 
cái ngoại tai mà trước kia họ đã vứt bỏ. Người có đức tin kiến 
có nhất là kẻ tin vào điều phi lý (cred quo absurdum), như 
Abraham vừa tin rằng Thượng đế đổi mình hy sinh Isaac, vừa 
tin Thượng đế sẽ trả lại Isaac cho mình.

Đức tin là lối thoát vô hạn mở ra cho lành vực đức lý. Đã 
bì sup độ vị sự hiện diện của tôi lối, đức lý không đủ để giúp 
ta hồi khởi một tình cảm trong vẻ trình nguyên và lự giữ cho 
tinh cảm ấy trưởng tồn. Đức lý hay đời sống đạo đức không 
chiến thắng được thời gian, không giữ cho lòng Kierkegaard 
muốn kiếp trì trung trong tình yêu Régine. Kierkegaard phải
liệu linh phuôi lựa vào lãnh vực đức tin, lãnh vực của tôn giáo để vượt thăng đạt thời gian trong một khoảng khác với giá giúp chẳng hồi khởi (répeter) dực những tình cảm trình nguyên và đồng thời đưa những tình cảm ấy đến cõi tuyệt đối.


Trước hết, chẳng phải đi hết bước đường của kẻ được mến danh là hiệp sĩ của khước tướt (chevalier de la résignation). Hiệp sĩ của khước tướt là người đã tir khước, çeşitli bỏ vạn vật vạn sự ở trên đời để chủ mực tất cả sức mình vào một dực vọng duy nhất, rồi tiếp đó, bằng hành vi của ý thức đốt dầu, chẳng tự ý tir khước luôn cả dực vọng duy nhất đã từng là lẽ sống của đời chẳng. Chính nhờ hành vi ý thức ấy, và văn luôn giữ niềm hoài vọng đời với điều minh tử bỏ, người hiệp sĩ của dực khước tướt.
sẽ sói đặc vinh viên đối tương mình đã từ bỏ. Như một chàng trẻ tuổi nghèo hèn đem lòng yêu mè một nàng công chúa: tất cả lẽ sống và lẽ chết của chàng là tính yêu mè đắm trên. Nhưng thực tế không cho phép chàng đạt được ước mơ mà người thiên hạ cho là diễm rỡ ấy. Chàng vẫn không từ bỏ ước mơ của chính mình; chàng lang hồn cho tình yêu run lên trong từng thở thét, từng soi thần kinh; tâm hồn chàng dè mê chết đượm như người vừa thức giấc can chén độc được và đang cảm thấy chất độc thấm dân vào từng giọt máu: khoảnh khắc ấy là khoạnh khắc của sống và chết giao nhau trong đời chàng. Chàng kêu gọi tất cả để tập trung mọi mình về một dãy vọng duy nhất. Rồi chàng thu hết sức mạnh tình thần để tập trung toàn bộ kết quả thâu đạt được trong hành vi trên vào một hành vi ý thức dấy nứt. Và trong một ý chí trường liễu vô biên, chàng tất cả đứt ý muốn kết hôn với nàng công chúa. Nhưng ban chất cao ngạo kiểu hành không làm chàng quên đi mỗi tình tuyệt vọng; chàng không từ quên lang mình cùng chàng muốn đời con người mình thành một con người khác với quá hư; chàng hiểu sự của sự từ khước vô biên luôn luôn nhờ đến mỗi tình vô vọng, và chính hoài niệm này là nội dâu đơn của chàng. Tuy nhiên trong hành vi từ khước vô biên nội trên, chàng trẻ tuoi đã hóa giải được với cuộc đời. Tình yêu của chàng đối với nàng công chúa đã chuyển hóa thành biểu hiện của một tình yêu thiên thu và mang một tình chất tồn giáo, vì đôi tương của tình yêu ấy giờ đây là một thực thể vinh cứu. Thực thế vinh cứu này đem lại bình an và yên nghỉ cho tâm hồn chàng trẻ tuổi, đồng thời đánh thức đây cái ý thức vinh cứu về giá trị tình yêu của chàng. Tình yêu đời với nàng công chúa vẫn mãi tuổi mất trình nguyên, nhưng đã biến thành chủ quan, phi

*

Những tác phẩm viết sau cuốn Sơ hài và Run rây là một tiếng kêu đời lím tát dân vi biết là không thể; bước nhảy vào hạn không thể thực hiện được trong cội đời hữu hạn này; tới không thể đối hỏi Thường để trả lại Régine cho tôi; đồng thời gian không thể đúng lại do ấy Thường để; những vết thương của tôi chỉ bình phục được trong cội tuyệt đối chứ không thể hoàn toàn bình phục trong cội đời hữu hạn này. Nghĩa là sự hồi khởi lại gây phút băn đắn chỉ là một ảo tưởng, ngay cả đối với kẻ đã men chân đi trên những bước họ thẩm của lãnh vực tôn giáo.

Kierkegaard thái bai vi không dám nhìn thẳng mặt điều bất khổ, vi không dám nhận rằng sự thật bai của mình trong nó lực hóa giải với cuộc đời hữu hạn cùng chinh là sự thật bai của Thường để. Và bi đùng hơn một bắc nữa, nhìn thấy rằng thật ra Thường để chỉ là hình hông sự có don của con người. Chính giáo dục khe khắt của người cha đã ngần can bước đường giải phóng nội tâm của người con, biến người con thành một kẻ tinh nhân không khó trước cuộc đời mà hiện thân là
nàng Régine kiều điểm, và là một tinh nhân khôn khó của tôn giáo. Vì chính bản thân, trong những giây phút sáng suốt cực độ, Kierkegaard đã tự mình thấy rất rõ bản chất cũng ý nghĩa của cuộc đời và của Thương để, như chẳng thể tưởng chi lại trong cuốn Lời nào trong hai lời? (Bản dịch Anh: Either Or: The Rotation Method, p. 22. .)

« Thương để sau muốn, nên mời tạo ra con người. A Dong sau muốn vì cờ đơn, Nên E Và được tạo nên... A Dong sau muốn một mình, rỗi A Dong và E Và sau muốn với nhau; rỗi cả gia đình A Dong và E Và Ca In à A Ben sau muốn, rỗi dân số thể giới gia tăng, và toàn thể dân chúng sau muốn cả lưu. Để tự giải sau, họ mời này ra ý nghĩ xây một cái tháp thật cao, cao thứ đầu các lucr trời... »

bàn tay và khối óc nhỏ bé của ta. « Thiên đường xanh của những mơ tinh trẻ mãi », như lời thơ của Baudelaire, chính là thiên đường tràn gian non ta đang thơ ; và người tình ngàn đời, chính là mỗi người trong chúng ta khi đã thanh toán xong lòng hướng vòng về Thượng đê, về một cái gì Vĩnh Cửu bên ngoài và bên trên Trần gian khôn khôi này.

CHỌN HẠNH

TƯ TƯỞNG hân hạnh giới thiếu :

- Đã phát hành :

* TIỄU THỪA PHẠT GIÁO TƯ TƯỞNG LUẬN
  của KIMURA TAIKEN
  TT. THÍCH QUANG Đỗ dịch
  Tập I 280 trang
  Tập II 510 trang

* ĐẠI THỪA PHẠT GIÁO TƯ TƯỞNG LUẬN
  của KIMURA TAIKEN
  TT. THÍCH QUANG Đỗ dịch
  480 trang

* CHIẾN TRanh Và BÂT BẢO ĐỘNG
  của S. RADHAKRISHNAN
  TT. THÍCH QUANG Đỗ dịch

- Đang in :

* NGUYỄN THÚY PHÁT GIÁO T. TƯỞNG LUẬN
  của KIMURA TAIKEN
  TT. THÍCH QUANG Đỗ dịch
Sách mới do nhà AN TIỀM xuất bản

SÔNG THIÊN

Sông Thiên là họi thơ nóng hổi của một người vĩa bước vào điều lý của Phật giáo Thiên tông, Eugen Herrigel, để cấp đến những biểu lộ hoạt động của Thiên trong các bộ môn tư tưởng và văn nghệ: thi ca, hội họa, kịch nghệ, văn văn, cùng sinh hoạt thuộc nhất với những bất trắc, những quấn quít ngàn đời.

Ý THỨC MỚI
TRONG VĂN NGHỆ VÀ TRIẾT HỌC
của Phạm Công Thiên


Người sành truyện ngắn hãy tìm
XÓM CHUONG NGỤA
tập truyện thứ 3 của Nguyễn Đức Son
Một Người Gia Bền Bờ Sông

Dù sáo ta cùng can nghiên xem ta tiến tới như thế nào.
Cảm xúc thời, chưa đủ, tư tưởng thời hay văn chuyên thời, đều chưa đủ,
ở liệu thân vào hồng sông cứ mòn cùng là chưa đủ
khi mà chỉ nóng, đầu sỏi xói nên rành những vách tư ông.

Dù sáo ta cùng phải nghiên xem ta tiến tới đích gì,
dở không phải như lòn nơi khó, hay con cháu ta đối khát,
hoặc bạn bè ta gọi thảm thảm bên kia bờ xa;
cùng không phải như ảnh đen xanh nhất nhất rất lao chao
của đềm bến viên
hoặc ảnh sáng lồng keng của dao kéo trên gợi người thanh niên can trưởng vĩa lên giường mơ trưa nay;
Mà ta phải xét xem một cách khác hơn — có lẽ phải
tựa như
con sông dài phát nguyên từ những vùng hồ lớn lao
thắm thắm giữa Phi châu
con sông ngày xưa đã làm thân thành, rồi làm nêng
giao thông, làm nguồn án hủ, làm kẻ xết soi
và làm vùng châu thơ;
con sông không bão giở nguyên ven tir đâu như có nhân
đã dạy,
nhưng lại vẫn nguyên hình thế cũ, nguyên những địa tảng,
nguyễn Dấu-Hiëu,
và nguyên một hướng đi.

Ta không muốn giờ hơn là được cái âm hủ của giông sông
dối thay trong nguyên ven ấy.
Bởi chúng ta đã đềm vào bài ca quá nhiều tiếng nhạc, lắm
cho nó nằng nền chim xuống thấp đi,
bởi chúng ta đã đềm vào nghệ thuật quá nhiều điểm tổ, mà
vàng son son tạc phẩm, làm cho mắt mũi nghệ thuật
sứt mẻ nát mòn,
Đã denn lúc chúng ta nói lời ngàn ngữ, vì ngày mai
hơn đã ra khỏi.

Nếu khó đau là sở phần con người, thì chúng ta không
phải làm người chỉ để nhận khó đau, cho nên ta
thường ngồi trên giông sông này nghỉ ngơi,
giữa cõ cây hoa lá ta nghỉ ngơi về ý nghĩa sự tiên lến.
Loài vật ăn là non, ông nước qua con khô,và con người
thì gieo, con người gặt láy,
đến cả mờ phân huy hoàng hay huyền lánh đơn soi.
Giông nước troi đi theo lời nước, đầu khác gì bao xa với máu con người,
dầu khác gì bao xa với mặt con người, khi nhìn thẳng tới trước người với cội lồng không sợ hại;
không xuyên xao tung ngày vị chuyền loang quanh hay vị chuyền lớn lao;
khi mặt ta nhìn thẳng tới xa, tưa người là hành quen nhìn ảnh sao để định hướng đường đi,
chữ không phải như ngày xưa nào nhìn chăm vào khu vườn kin cựa của ngôi nhà Ả rập
thì khu vườn mất nhỏ dõi thây hình thể sau khung cựa sọ, nó trở nên lớn hơn và càng nhỏ hơn,
và ta nửa, càng dõi thây hình thể những vợc vồng của ta càng hình thể của tâm hồn ta.
chúng ta, khối bột nhão mềm của thế giới này, cái thế giới đã ném ta ra và khuôn định hình hài ta,
voi lúc mắt trở lên đỉnh cao chơi lơi thì ta đã lọc vào những mẩn lưuối đẹp để giáng ra mién man của đời sòng, đời sòng đã có lần chân thật mà nay trở nên bỉi nhờ chim vò trong cát
chỉ để lại hình bòng lạc lầy của một ngọn đèn cao dòng dừa bỏ bước, khiên chúng ta mịt mờ chao vào.

NGUYỄN KIM PHƯƠNG dịch
(Modern European Poetry, Greek Poetry, by Kimon Friar, trang 217-218)
Quán vô thường
Aha! Trăng nát usa vương
Trái vắng ở rồng bên đường người đi
Bụi mờ che khuất tà huy
Phật phở ành mộng bước về Ngã không

Bẩn lai diễn mục
Oi trăng tàn trăng tan
Mặt khô hở lệ can
Gió hiu hạt đường cây
Một mình trông ngóng Bạn.

Tâm ấn
Vì sao người đi tu
Bỏ vắng trông biên biệt
Chết dúvida đây sông thu?

HÒ NGẠC NGỮ
Khi nói đến giáo dục, chúng ta thường liên tưởng đến đạo tạo kiến thức, huấn luyện khả năng chuyên môn cho sinh viên, học viên. Nếu có đề cập đến tác phong đạo đức, thì xem vấn đề này như một vấn đề luận lý, đạo đức ăn định bởi truyền thống hay tập tục xã hội. Quan niệm này không chỉ ra ngoài mục đích và đường hướng giáo dục đương thời, nhưng đã bỏ rơi hay không đánh giá đúng mục quan trọng hai khía cạnh "thái độ" và "phương pháp" của giáo dục mà theo chúng tôi nghĩ phải đồng một vai trò quan trọng để xây dựng một nền giáo dục gọi là toàn diện hay tròn vẹn.

Vẫn đề sở dĩ đặt ra ở đây là vì con người của chúng ta khi đối mặt với các sự vật bên ngoài hay những khái niệm bên trong đều có những phản ứng, những thái độ, những cử chỉ của thân thể của miệng nói hay của ý thức, những danh từ mà
dao Phật gọi bằng danh từ chuyên nghiệp là Kavyakamma (thần nghiệp), vacikamma (khâu nghiệp) và manokamma (ý nghiệp). Một sinh viên thích uống rượu la ve cảm thấy sung sướng khi có chai rượu trước mặt mình và có cử chỉ đếm chai rượu về mình đế uống. Trái lại một sinh viên ghét rượu thòi cảm thấy khó chịu khi có chai rượu trước mặt và muốn xua đuổi chai rượu như xua đuổi ruồi. Còn sinh viên không ghét cũng không thích rượu, thòi đối với rượu có một cử chỉ thân thiện, tự tai. Một nữ sinh viên thích ao dê thòi sung sướng hành diễn âu yếm mặc ao dê trên mình. Một nữ sinh viên ghét ao dê (ít có trường hợp này) thòi dầy ao dê ra xã mình. Còn có náo quá mà đọc truyền kiếp hiệp không thích ao dê cùng không ghét ao dê, nên có một thái độ rất thân thiện đối với ao đại Việt nam. Một nam sinh viên thích một nữ sinh viên thòi ương dùng gần nữ sinh viên ấy mà nhưu sưu ưa thích đến độ quá si mê, thòi tư nhiên muốn nữ sinh viên trở thành vật sở hữu của mình. Một nữ sinh viên ghét một nữ sinh viên khác thòi luôn luôn tránh xa khuôn mặt để ghét ấy, và nếu ghét lên đến độ hận thù, mà nữ sinh viên có hoc khóa vô Binh định thì chắc quạt nữ đối thủ mình ngã một cái rầm cho sướng tay. Tóm lại, con người của chúng ta, dùng trước các đối tượng bao giờ cũng có một trong ba phán ứng theo đây: một là ưu thích, dem về cho mình đối tương mình ưa thích; hai là ghét bỏ, dầy xa mình ra đối tương ấy; thứ ba là thân thiện, không ưu thích cũng không ghét bỏ. Dao Phật gọi cử chỉ để cho mình là tham (lobba), cử chỉ dầy xa mình ra là sân (dosa), và cử chỉ thân thiện là xả (upekkha), định nghĩa này không bao hàm một nghĩa luôn lỳ, đạo đức gì, mà chỉ là một phán ứng của con
THÍCH MINH CHÂU

người trước nhưng đối tượng sai khác. Đức Phật với cái nhìn tâm lý của Ngài, thấy con người luôn luôn bi chi phí, bi ảnh hưởng bởi sự vật bên ngoài, không một chút tự tại, không một chút tự chủ. Và phương pháp giáo dục ở nơi đây là nhằm huấn luyện con người được tự chủ, tự tại đối với các đối tượng. Nơi một cách khác, con người phải được giáo dục như thế nào đó con người trở thành một người chủ đối với đối tượng, chứ không phải một người nô lệ của đối tượng.

Đức Phật đi xa hơn, Ngài tìm nguyên nhân của tham và của sám. Ngài tìm hiểu tại sao con người lại có hai phán ứng trái ngược đối với đối tượng, và Ngài tìm thấy rằng sợ đối với tham vì hiểu là có một tư nghĩa, nên dem vê cho mình cái gì tư nghĩa quá thích; sợ dĩ có sám, vì hiểu là có một tư nghĩa, nên bất xu mình ra, cái gì tư nghĩa ghét bỏ. Sự hiểu là ở nơi đây, đạo Phật gọi là sỉ hay moha. Chứng ta có tham mà có sỉ, chứng ta có sám mà có sỉ; Tham luôn luôn đối với sỉ và sám luôn luôn đối với sỉ, chứ tham không khởi lên một lần với sám. Và giáo dục ở nơi đây nhằm trừ điệt sỉ hay thay đổi một quan điểm sai là làm bằng một quan điểm đúng đắn, thay hiểu là (vô mình) bằng trí tuệ. Nơi một cách khác, giáo dục theo đạo Phật chủ trọng lấy trí tuệ (Duy tuệ thị nghiệp) diệt trừ si mê, si mê trừ, thối tham và sám cũng được diệt trừ luôn. Theo đạo Phật, có 4 sự diệt đạo (pipalāsa, sự vất vô thường (anicca) xem đó là thường (nicca), sự vất là khổ (dukkha) xem đó là lạc (sukha), sự vất là vô nghĩa (anatta) xem đó là nghĩa (attha), sự vất là bất tinh (asubha) xem đó là tinh (subha). Chỉ cần có một kiến thức, một quan điểm, một cái nhìn đúng đắn (giác ngộ) thời mọi hành vi thiện ác,

Lời khuyên sau đây của Vua A Dúc, trong Bia kỳ số XII ban đầu khiến chúng tôi thật sự bất mãn: « Người ta không nên chỉ kinh trọng tồn giáo của riêng mình và bề bác những tồn giáo của kẻ khác, mà phải kinh trọng tồn giáo kẻ khác vì lý do này hay lý đó khác. Như thế ta có thể làm cho tồn giáo mình phát triển và giúp đỡ các tồn giáo nửa. Nếu không, tức là ta đã đào huyệt cho chứng tồn giáo của mình, và còn làm hại các tồn giáo khác. Kể náo chỉ kinh trọng tinh người của mình và bề xích

(1) Những ngày và những lời dạy cuối cùng của Đức Phật. Thích Minh Chau dịch. Tư thư Đại học Văn Hạnh, Sài Gòn 1966 trang 120.
những tin người khác, thực ra họ đã làm thế vì sung kính tin
người của riêng mình, nghĩ rằng: "Tôi sẽ làm rằng danh tồn
giáo của tôi. Nhưng trái lại, khi làm thể họ đã làm tồn thường
tôn giáo mình một cách trầm trọng hơn nữa. Bởi thể sự hòa
hao là tốt đẹp: mọi người nên lắng nghe và có thiện chí lắng
nghe những lý thuyết mà người khác đề xướng" (1).

Lúc trước, chúng tôi lấy làm khờ chối khi đọc phải đoạn
này. Chúng tôi tự nghĩ chúng tôi tin đạo Phật, theo đạo Phật vì
chúng tôi xem đạo Phật là tồn thường, là hồn tất cả tồn giáo
khác, chúng tôi mối theo đạo Phật. Nay lại khuyên chúng tôi
phải tồn trong các tồn giáo khác và tìm hiểu giáo lý của họ thì
thật sự khó mà chấp nhận được. Vẻ sau chúng tôi mploy hiểu,
là Phật tử không phải có nghiêa là theo một tồn giáo tồn là Phật
giao mồi là Phật tử, mà chính là có một cách chỉ tồn trong các
tồn giáo khác, các tư tưởng khác mồi là Phật tử. Cứ chỉ trầm
lặng bình thần trước sự vô thường của đức Thọ tồn cùng cực
chỉ tồn trong các tồn giáo khác, các tư tưởng khác với mình là
hai thái độ, hai cực chồi, biểu hiện chất liệu giải thoát và khoan
dung của đạo Phật. Giáo hòa, giáo dục ở nơi đây chính giúp chúng
ta có một thái độ, có một cực chỉ thích nghi hợp lẽ khi chúng ta
phải đối diện với những tình trạng đa diện của xã hội ngày nay.

Có người sẽ bảo, giáo dục như vậy khiến con người trở
thành cây đa rỗi còn gì. Thấy rằng không ham, thấy gai không
mê thời đối còn gì là thú vị nữa. Thất sự vấn đề ở đây không
phải đối thú vị hay không thú vị. Văn để chinh yếu là nơi phản
ứng con người trước muốn vấn đối trọng, và con người cụ xự,
hành động, phản ứng như một người chủ hay như người nó lẽ

(1) Con đường thoát khổ W. Rahula. Thích Nhu Trí Hải dịch. Tu thư
chỉ có thể thôi. Hơn bao giờ hết, trong thế gian hiện tại, con người bị thế cộng tử phia dè nó lệ hóa con người. Tuyền truyền càng ngày càng tinh vi, xế hói càng ngày càng hấp dẫn, rượu càng ngày càng ngon, các cỏ bán hàng càng ngày càng đẹp, tất cả sự tinh ranh mà quái con người đã đúng lên những cạm bẫy, những cạm độ để chính phục và nó lệ hóa con người, biến con người trở thành những do vật, những dũng cụ, những tay sai trong tay thế quyền hay gia quyền, và chúng ta cố thể nói con người hiện tại là một nhân nhân thầm thầm cho những cạm bẫy do chính con người tạo được lên để nó lệ con người. Con người hiện tại có thể tự do không? Đó là một câu hỏi rất khó trả lời, đâu nay đã sắp đến thế kỳ thứ 21, một thế kỳ gọi là văn minh, tiền bộ nhất?

(Tỳ kheo THÍCH MINH CHÁU)

« Nay Bà là môn, tri tuê được giới hành làm cho thanh tinh, giới hành được tri tuê làm cho thanh tinh. Chỗ nào có giới hành chỗ ấy có tri tuê; chỗ nào có tri tuê, chỗ ấy có giới hành. Người có giới hành nhất định có tri tuê, người có tri tuê nhất định có giới hành. Giới hành và tri tuê được xem là tôi thằng ở trên đời. »

Kinh Sonadanda, Trường Bộ Kinh
Tập II, trang 124
CUỘC CÁCH MẠNG SINH HỌC VÀ ÂNH HƯỚNG VĂN HÓA, GIÁO DỤC, XÃ HỘI Ở CÁC THẬP NIÊN NAY

TÔN THẤT TRÌNH

CHÚNG ta thường có một quan niệm cũ dĩ diệt sai lầm về ngành khoa học của sự sống, ngành Sinh học. Từ lớp đồng út (nay gọi là lớp một) cho đến những năm đầu tiên của Đại học Khoa học thực nghiệm, thiên nhiên cơ mơn sinh học là môn phân loại cây cỏ, ông buồn hay nghiên cứu chuột bỏ, giun lại. Xa hơn thì nữa, nhà sinh vật học được xem là những nhà nghiên cứu «ngòi ngần các dòng lực gây ra các chuyển biến trong việc của những dàn ngồng trôi, hay mồ xẻ chấm điểm các dải, tìm ñánh nhai để ghi chép lý do khiến chúng cựa quá run rẩy. Ở một xã hội tiến vể cờ kỳ, nhà nghiên cứu khoa học vất lý hình như được kinh nghiệm hơn, cho là gần thực tế hơn, nhờ sau những thời gian mô mắm cơ sở một số giây kim khí với nhau phát minh ra được những vật dụng đang bán chạy ở thị trường VN như máy Radio, máy vò truyền truyền hình, máy điện thoại
diễn tin. Đối với chúng ta, những thường dân môc mạc, đơn giản thì các cuộc khó khăn của các nhà Vật lý học có về bi hài vào những thuở ban sơ, nhưng sau đó chúng ta đã thấy rõ những thực hiện kinh khủng như bom nguyên tử, bom khinh khí v.v... có thể xóa bỏ hàng triệu người trong ngày mắt. Trái lại nhà nghiên cứu Sinh học trước đây chỉ được xem là những nhà Văn vật học, Cách tri học, học những đề tài thiết hộc cho Pháp nử, cho những tư sĩ giả nưa không công người rồi. Những sự hình dung này không còn dựng vừng nữa và những tiến bộ phát minh ở ngành khoa học sinh học mới đây đang làm dấy lên tật cả những giá trị cơ truyền của chúng ta về văn hóa, đạo đức, luận lý mà chúng ta chưa tìm ra những giá trị mới để thay thế. Từ năm 1940, Giáo sư Salvador Luria Viện kỹ thuật M.I.T một trong những cha đẻ của ngành sinh học Hoa kỳ đã lấy làm lo ngại rằng nếu các khoa học gia về sinh học không chịu nhận lấy trách nhiệm, sửa soạn trước dự luận để công bố lời giải những kết quả bất ngờ của tiến bộ về sinh học chẳng hạn trong vàn đề kiểm soát di truyền, đúng chúng, trong việc sinh con để cái, trong kỹ thuật gieo tinh nhân tạo, trong các kiểm soát sinh lý thanh kinh học v.v...., thì hậu quả của những nghiên cứu này sẽ vô cùng kinh khủng, nếu không nói là kinh khủng hơn trên khá cảnh đạo đức và luận lý so với các sự phát minh ra Nguyên tử năng, Viên thông, các chuyên bay siêu thanh khám phá không gian, bom nguyên tử A, bom H, các máy diễm tử và sự diễm cơ, động cơ hóa kỹ nghệ, hành chính, thường mai trước đây. Những gì đang diễn tiến ở các phòng thí nghiệm, ở các trung tâm khảo cứu sinh học chắc chắn sẽ đem đến nhiều biến chuyển sâu rộng với cùng dengan đời sống sinh hoạt hàng ngày của
chúng ta. Vi dụ cho đến nay, con cái đều do cha mẹ sinh ra nhưng gieo với tình nhân tạo và nuôi bao thai bằng máy, vai trò cấu trúc của cha mẹ đang mở dần và lẽ đì nhiên sự kiện này sẽ dura lại những hậu quả không luôn được trên các căn bản thường tinh về hôn nhân, về gia đình mà chúng ta đã mặc nhiên chấp nhận khi con người tổ chức xã hội, sống tập đoàn sau thời kỳ thung lũng cố ăn lòng ô lô.

TÌNH YÊU TỊNH MÂU TỪ CÔN TÔN TAI DUỐC KHÔNG SAU CÁC PHÁT MINH SINH HỌC MỚI : (1)

Khi mà chúng ta có thể thay đổi được hệ thống sinh sần con cái. Các phương pháp ngừa thai trong những năm gần đây được đề cao để bài trừ nạn nhân mặn tràm trong ở nhiều quốc gia cũng đã cho thấy nhiều giao động khó khăn cho cả nhân, cho xã hội chấm tiến trên phương diện tâm lý, chính trị. Những bày giờ khoa học sinh học còn di xa hơn nữa. Các phương pháp ngừa thai áp dụng hiện nay bắt nguồn từ các công trình nghiên cứu sinh học và các kích thích tố Steroides, phân tích hóa học được vào khoảng 1920-1940. Sau đó tổng hợp được ở kỹ nghệ. Một số kích thích tố mới áp dụng ở y học, nông học, chỉ là những biên tiến này và đang được sử dụng trong kiểm mạnh mẽ ở các phòng thí nghiệm quốc tế. Điểm quan trọng là thời gian từ khi bắt đầu nghiên cứu các kích thích tố này cho đến việc áp dụng rộng rãi các kích thích tố trong quản chúng, trước đây cần ba bốn mươi năm vào giai đoạn mà ngành khoa cửu sinh học chính mới là phân loại, là mô xè cơ cấu mà thời, và không được tổ cấp lớn lao như các ngành Vật lý, ngành Hóa học. Nhưng này sự tổ cấp cho khảo cửu sinh học đã
thăng lên gặp bội và thời gian ngăn các khó khăn thuận thủy với
áp dụng thực tiễn rút ngắn hạn đỗ. Trước đây ngành sinh học
chỉ nghiên cứu các sự sinh sản của các tế bào thực vật, cây có
bắt nguồn từ những tế bào của «củ cà rốt» nuôi trong một
dung dịch chứa nước dửa để tạo ra những riêng cạc rốt mới. Đem
cây các rễ sơ khởi này vào trong một mồi trường đặc, vào trong
dạt sau đó thì chúng ta sẽ tạo ra những cây cạc rốt sinh trưởng
với đầy đủ rễ, thân, hoa, trái. Ở trong động vật hay con người
ta thì sự biến thể từ tế bào ra thành các bộ phận sẽ khó khăn
hơn. Hình như sự cầu tạo các bộ phận động vật tùy thuộc
những anh hưởng hóa học của các tế bào các mô kế cận. Chương
han các tế bào trích từ thân chỉ tổ chức thành các ông thân
nếu có sự biến đổi của tự xưởng sống. Người ta đang nghiên
cứu triệt để các nghị thức biến thể này. Khi một bộ phận cơ
thể đã hoàn thành thì người ta lại có thể nuôi cho lớn theo
những môi trường nhân tạo. Tuy có một sự cách biệt rất lớn
lào giữa việc cây những bộ phận và cơ thể con người nhưng
không có một lý do gì, nếu tiếp tục khảo cứu, vào một ngày
nào đó có thể rắt gần, khoa học sinh học lại không thể tạo ra
những động vật mới. Như vậy sự chuyên tạo ra động vật từ
những tế bào của phôi (embryon) sẽ không khác gì việc sinh
sản vô tính ở thể giới thực vật, cây có mà chúng ta đã biết từ
lâu như việc chế tạo một khối cảnh, khúc rễ, khúc thân dem giảm
thi sẽ ra những cây mới.

Ở ngành chăn nuôi sức vật, phương pháp sân xuất động
vật từ tế bào này dễ di nhiên dem đến những lợi ích to lớn.
Những nhà chăn nuôi gà Việt, Trâu bộ, heo như vậy sẽ không
cần nhập cảng mãi mãi các giống tốt mà chỉ cần cây một tế
bao của chúng rồi sau đó sẽ làm chúng sinh sản, sinh sôi ngày
và tận dụng trước tiên các phát minh khoa học của con người. Vậy hay hơn hết là chứng ta nên biết rõ hậu quả của những phát minh, các phát minh sinh học mới này thay vị lờ đi. Trên phương diện tình cảm, tình yêu, các phân ứng của con người nhân tạo mới sẽ ra sao? Họ có tự cho họ là những giải cấp phi thường hay không? Tình yêu của họ có giới hạn trong các con cái cũng một lề lối sinh sản với họ không? Như các gia đình, vua chú trước đây ở Âu châu chỉ được vợ gả chồng trong vòng vua chú mà thôi. Ô phương diện khoa học thuận tủy thì những con cháu cùng đồng có một số lợi điểm lớn hơn sau:

diều khiển được sự tiêu hóa, thân kinh he như một số các nhà ảo thuật, nhà Yogi Án độ chẳng hạn? Nếu muốn các con cháu cây tế bạo sống lâu, Ông Haldane còn gọi ý niệm nên lựa chọn các bò lão tho trên trâm tuổi, tuy rằng sống quá tho chửa chắc đã là điều hay ở thế giới càng ngày càng phó bày thời lội, phó bày điều thượng t'ai gai mất. Càng thấy nhiều, thấy lâu càng một mối tình thân hơn!

Ngoài ra còn khía cạnh lựa chọn ai ở tuổi nằm mười? Kể nên thơ cũng nên đặt ra một Ủy ban tuyển chọn, như chúng ta đã có các Ủy ban tuyển chọn du học, tuyển chọn tài tử, tuyển chọn «văn hóa», văn Chương. Tất nhiên là sẽ có những cá nhân vì kỹ hành động đủ điều phi pháp, phi luân đế được vào bằng vàng muôn đời lưu truyền cá ngàn triều từ tổ, con cháu. Nhưng vài ngàn nhạc sĩ có Mozart, Beethoven v.v... thì còn khả dĩ đem thư viết cho nhân loại, vài trăm ngàn Tấn Thủy Hoàng Hitler thì thể giới sẽ dĩ về đâu?

Trong thực tế con đường chế tạo ra hàng triệu nhân vật phi thường bằng lề lội tệ bạo còn nhiều rác rưởi mà sinh học chửa giải quyết nỗi. Sinh học chỉ mở thực hiện các công trình sau đây mà thôi:

ĐẶT CÁC NOÂN SÀO, TRỪNG NGOẠI LAI VÀO ÂM HỘ ĐỂ SINH CON, TRÁNH CHO MẸ MẦM TÂM ĐỂ ĐAU?

Năm 1962 một chuyến máy bay đã chuyến cho các giống noăn sào của giống cừu Dorper từ Anh sang Nam phi. Các noăn sào này đặt trong âm hổ của thồ và sau đó được đặt lại vào âm hổ của các cừu cái thuộc giống Dorper leicester ở Nam phi đã sinh ra những cừu con xinh xắn. Ó thiên thiện, ó tất cả dòng...
vật kể cả loại người thi hương trứng có khả năng sinh ra nhiều noãn sào, chứ không phải chỉ một noãn sào mà thôi. Chich khích thích tố F.S.H. vào bộ cái thì bộ cái một kỳ sinh ra đến 40 noãn sào. Nếu dùng các noãn sào này để thu tinh ở các bộ cái khác thì sẽ sinh ra nhiều bè. Áp dụng lẻ lối sinh sản này rất đời xướng với gieo tinh nhân tạo mà chúng ta đã biết được ở VN với việc gieo tinh nhân tạo hecho giống tự vài năm nay. Các kho khẩn đề noãn sào ngoài lại vào âm bộ bộ cái đã được các Kỹ sư sức khoa Nhật giải quyết ổn thỏa bằng cách dùng khi CO₂ làm cho nở từ cùng dùng vào lúc tiếp noãn sào vào. Bè sinh ra rất tốt đẹp ở phương pháp này. Việc thành công cây noãn sào vào (cây trứng) có thể giúp bài trừ hạn nàn bảo sinh chệt non trong nhiều bùng me trước đây, giải quyết nàn đan bò con gài bắt thu, không sinh nở được trước đây với (Fallope) không thẩm, trứng không rung xuống từ cùng được chằng hạn. Các tranh luận tổ từng về việc cây trứng vào các bò me tủy chưa gây cần bằng việc gieo tinh nhưng rằng cùng rắc rối không đem kể nếu một bò me VN sinh ra một chu be lọ nối hay mất lờ xanh chằng hạn.

Ở ngành chăn nuôi thì không có gì lối thói cả khi một heo trứng York-shire sanh ra heo nâu Duroc hay heo vá Bắc liêu. Khó khăn mà các nhà sinh học đang khó màu là làm sao giữ gìn cho trứng, noãn sào khỏi chệt. Về tinh trứng, năm 1968 ở Michigan các sinh học gia đã tồn trữ suốt một năm rrroí không làm giảm sinh lực của tinh trứng và đã làm thu tinh sinh ra được 44 cái be khảm khinh, không tất nguyên gì cả. Trong những năm tôi người ta hãy vòng sẽ mãi tồn trữ tinh trứng vỡ theo hạn, mãi mãi.
Trưng dứ ở phòng lạnh 80 hay 10°C cũng chỉ giữ cho trưng khối chết trong vòng 72 tiếng đồng hồ, và các trưng cứng cái chưa âm hồ thở cái chỉ sống một tuần lẻ tổi da. Hướng nghiên cứu hiện nay là cây các thể bảo của buổi trưng để sản xuất ra trưng, nhưng chỉ mới sản xuất ra được kích thích tổ lutentin.

CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT EM BÉ THAY CHO BUNG ME.

Nhiều tài liệu đã đề cập đến sản xuất em bé ở ông thí nghiệm (bébés d'eprouvettes). Trong thực tế sản xuất này chỉ là sự gieo tinh. Và ở thế giới hiện nay có chừng 150,000 trẻ em thoát thai từ gieo tinh. Việc thực hiện em bé ở ông thí nghiệm, nghĩa là để trưng (nuôi sao) cho thụ tinh với lĩnh trưng chưa có kết quả nào đáng kể. Vi hình như các tình trùng không ra môi trường của ông thí nghiệm, mắt khả năng thụ tinh ở ông này sổ với âm hồ có những tuyên đề biết làm tình trùng hoạt động. Các khảo cứu cho thấy rằng từ phôi (embryon) của chuột dã có thể nuôi ở ông thí nghiệm để cho óc, tuy, tai, mắt, ruột, thân chuột con, nhưng các phôi này phải có thêm một mảnh Thai toa (placenta). Ông Y viên của Trường Đại học King's College Luân đôn, các nhà bác học đã kéo dài đôi sống của một bào thai mới 26 tuần lên sống 5 ngày nhờ đặt vào một "thái toa nhân tạo" — Các nhà bác học Nga như Giáo sĩ Anokhine hình như cũng đang nghiên cứu các khía cạnh này nhưng kết quả còn hoàn toàn bí mặt. Dù sao nếu thành công ở một "thái toa nhân tạo" cho bào thai phát triển thay cho bung mẹ thì ý nghĩ của on mẹ sinh đường chính tháng muộn ngày mang nặng để dau sẽ tốt đi. Mang thai 9
tháng mờm ngày chỉ còn là những hình thực là lùng cỡ xua
ở những xã hội trưởng lai, khi mà chúng ta sẽ giao lại báo thái
26 tuần lể cho một máy sản xuất trẻ em chưa thái tử na
táo có thể «đê» ra hàng ngày vẫn trấm trẻ em? qua một
giây trán, giây chuyển thich nghi?

SINH TRAI HAY SINH CON GÁI TÚY Y MUỐN?

Nhưng việc tìm kiếm ra những thái tử na nhân tạo thích hợp
còn khó lắm. Chỉ có vấn đề lựa chọn giống, sinh trai hay sinh
gái thì các nhà khoa cử sinh học mới đây cho thấy rằng có
thể đạt được trong tương lai rất gần. Ban đầu thì cấp vợ chong
nào sinh trai hay sinh gái cũng được cả. Nhưng nếu chúng
may sinh luôn liên tiếp ba bốn cháu gái thì sự mở rộng chông
sanh cháu trai sẽ luôn luôn âm ả bẩn và bỡ xả.

Loại trung dực và trung cái thường khác biệt nhau và nhiều
phòng thi nghiệm sinh học đã lợi dụng đặc tính này (chằng hạn
bằng điện tính, electro-phorèse), để phân ly hai loại dực cái,
it nhất là với sức vật. Ở Thủy điện người ta dùng máy ly tâm
dể phân biệt các trung dực và trung cái của tinh trung bô dực
và sản xuất liên tiếp 11 bò dực.

Nếu qui định chắc chắn dực dực, cái nhất là chắc chắn
sinh cái thì như cầu đối hỏi phương thức này rất lớn ở ngành
mục sức, chắn nuôi.

Các nhà chắn nuôi áp trung gá đều muốn trung nó ra hoàn
toàn là gá mãi. Như vậy khối phải loại 50% gá trung ở mỗi kỳ
áp trung thường lệ, vì nuôi gá trung không lợi trừ khi chỉ nuôi
gá thít, nhất là trong tương lai có thể làm thu tính nhân tạo
dề dùng giống cái.
TÔN THẤT TRÌNH

Đối với nhân loại, kỹ thuật này sẽ đem đến một xáo trộn lớn về quan bình nam, nữ. Ở hoàn vũ từ trước, tảo hóa đã khéo léo duy trì trạng thái quan bình này. Vì con trai khó nuôi hơn con gái đổi chột nên tổng cộng số con trai sinh ra lớn hơn số gái một ít. Nếu bây giờ làm mất quan bình nam nữ thì xã hội sẽ ra sao? Mẫu hệ hay phu hệ, da thế hay độc thế, da phu hay độc phu đây? Thất là cả một bài toán mới mà các nhà chuyên trách về xã hội học, tâm lý học cần tìm ra đáp số trước cho chúng ta.

Hồn nữa chừng ta cùng có thể chẳng cần lý tâm tính trung (Spermatozoides) để sinh được, sinh cái. Các bác sĩ Neumann và Kramer ở Bâ lính đã dùng chất acetat-cyproterone tiêm vào các con chuột cái vào ngày 13 cho đến ngày 22 sau khi thụ thai để sự đổi giống được cái của chuột con. Khoa học gần như chắc chắn rằng các tế bào của bộ não bao thai trước tiên là giống cái, mãi sau đó khi có kích thích tố được (Testosterone) theo lệnh «mất mạ» của nhiệm thể (chromosome) được sai khiến sản xuất ra một trò thành giống được. Chất acetatoterone ngăn cản kích thích tố được này. Như vậy thì biến trai thành gái có vẻ dễ hơn là biến gái ra trai.

Nếu biết được được, cái trung trở khi trung nò, các nhà chẩn đoán suc vật sẽ loại bỏ ngay những trung không muốn sản xuất. Nhưng đối với «con người» thật là một vấn đề trồng đai, con lớn hơn sẽ sợ phá thai nữa. Nhiều người quan niệm rằng ý muốn quí định giống cho con cái sẽ sinh ra là một ý muốn «nghịch thiên nhiên».

Nhưng một đối khi cũng có lợi nhất là đối với các biểu liên kết với hưu tinh (liés aux sexes). Binh máu chảy không
dòng (hémophilie) chỉ thể hiện ở phải nam đủ phải nữ có chưa
di tử, nguồn gốc của bình. Nếu chỉ sinh gái thì bình này sẽ
biến mất ở thể gian, vì bình không thể hiện ở con gái.

Nói tóm lại các nhà khảo cứu sinh học đã đưa chứng ta từ
giai đoạn hạn chế sinh đẻ (Contrôle des naissances) qua giai
dojn ngừa thu thai (Contrôle de la fécondité). Các thuốc vien
ngừa thu thai hiện nay ai cũng biết là kích thích oestrogen và
progesteron. Nhưng phải uống hàng ngày thì phiên
nhiều quá đối với nhiều bà.

Một số nhà sản xuất đang nghiên cứu thuốc ngừa thai chỉ
uống một lần là đủ ngăn ngừa thai cả năm. Dáng thức là chất
acetat-medroxy-progesteron này ở một vài trường hợp lại làm
xuất hiện. Năm 1966 Bà bác sĩ Elisabeth Connel ở Tông y
Viên New-York College cho biết nếu các bà uống ac志at chlom-
madinine thì vẫn có kinh nguyệt dứt đoạn hoàn mà không thu
thai được nhờ chất này làm phát sinh ở âm hộ nhưng chất có
tính liệu bỏ tình trùng. Các ông thì có thể uống Enovid,
nhưng sau khi nghi Enovid thì các tình trùng lại mảnh hơn
trước. Hơn nữa, giống đặc thường loại bỏ, dào thái các chất
làm mạt trứng hình và vi vậy bất đắn ông uống thuốc ngừa
thai chưa hiệu quả lắm! Mất khác các phòng thí nghiệm nghiên
curso thì thái lại do phải nam điều khiển và lề dề nhiên là các
ông không muốn phát minh ra những gì gần cận « thiên nhiên »
của mình. Bác sỹ H. Jockson người Anh cho rằng nếu các nhà
bác học điều khiển các phòng sinh học này là phải nũ thì công
cuộc phát minh các thuốc ngừa thu tính của dàn ông sẽ mau
chóng hơn.
Việc hạn chế sinh đẻ, ngụa thụ thai ngoài các ảnh hưởng tâm lý, tập quán đòi với mọi cá nhân còn có tầm quan trọng lớn hơn nữa trên bình diện quốc gia denn tóc đủ sẽ chuyển theo hình thức giảm tử xuất hay giảm sinh xuất cũng vậy. Chằng hạn trên văn đề qui định dân số tới hóa ở quá địa cầu.


Ở thế giới chuột, hệ động quá quá thì chuột đực yêu di chuột cái ít sinh nở hay không nuôi con nuôi và chuột đực hạn động như diễn đại, hợp thành từng đoạn ngụ can, xè đề loại bỏ các chuột yêu đói, và phân chia thành nhiều giai cấp. Giai cấp mạnh, « thương luố » thì cũng tự động giảm sinh nở (theo Calhoun Newsweek tháng 7-1970).

Nhưng làm sao mà qui định mức dân số thích hợp cho mỗi quốc gia ở tình trạng thế giới phân chia giàu nghèo, trình độ phát triển mở mang không đồng đều, các nước có nhiều khả năng nuôi sống thêm nhân loại thì bể quan toàn cảng như như các
giới hạn di cư vào Hoa kỳ Úc châu, làm cho các nước chậm tiến chỉ còn trong cây vào nhân lực, về số dòng để sống còn hay duy trì quân bình mới mang trước sức mạnh kỹ thuật, của máy móc Dien từ tiến bộ?

VÀO CUỐI THỂ KỸ CÓ CÓ CHẾT ĐƯỢC NỮA KHÔNG?
TRƯỞNG SINH BẬT Từ ĐƯỢC KHÔNG VỚI TIỀN BỘ SINH HỌC TƯƠNG LAI? TRẺ MÀI CHO ĐẾN 60-70 TUỔI, HAY SỐNG GIÀ NUA ĐẾN NGOÀI TRÁM TUỔI.

Trong thực tế thì chúng ta lựa chọn sống ít mà vẫn còn khỏe mạnh vào khoảng 60-70 tuổi hơn là kéo dài đời sống đến 80-90 hay ngoài trạm tuổi mà yếu đuối, đau đớn. Nhưng tính trạng hiện tại của sinh học cho thấy gì về hiện trường già nua của cơ thể? Hệ về giá thì khoa sinh học cho biết:

— Nguy hiểm hơn hết là các tế bào thân kính mặt di 1/4 trong lượng, từ 1.375 gram trọng bình chỉ còn 1.300, vì một số tế bào chết và không được tái tạo, thay thế.

— Khi giá chúng ta ăn ít thấy ngon hơn vì còn số 245 gai lưỡi (papilles gustatives) có giấy thân kính chỉ còn 88. Ở mặt tai cũng giảm trong tử.

— Phôi chỉ còn lúc trước được 1/2 số không khi thường lệ, tim chỉ còn bom hút nữa số máu mà thôi,

Nhưng tại sao tế bào lại chết di như vậy khi chúng ta già. Có 3 lý thuyết được có là ý nghĩa nhất để giải thích các tế bào chết:

1/ Các « sắc tố già nua » (pigments de la vieillelessce) làm chết các tế bào xuất hiện khi tuổi cao.

2/ Vì tiêu « nhiên liệu », chẳng hạn khi già tế bào không được vài chất dinh dưỡng cần thiết dễ tiếp tục sinh sống.

Người ta chỉ biết ở một vài loại còn trở ra có kích thích tồ đồng tử, (hormone juvenile) nghĩa là làm cho các còn trưởng trẻ mãi, ở tình trạng đầu trưởng mãi, chỉ không trưởng thành. Khoa học gần như chỉ doan quyết là tuổi « đây thi » (puberté) của

bình trước kích thích tốt Steroids có một nhóm gọi là 11-desoxy-17 Keto-Steroids khi gia thị sự sản xuất giảm đi. Các nhà sinh học đang cố gắng nghiên cứu để tìm cho ra nguyên nhân hay các chất làm giảm Steroids gây giảm nửa này. Và biết đâu chứ này chất phải là thuộc trường sinh mà Trường Minh Hoàng mong tìm kiếm mới trước đây? Nói том lại trường sinh bắt tấu, tế bào không chết cầu tim ra rõ ràng mạnh mới, nhưng lại mãi không giả có cơ thực hiện mới ngày gần đây ở các thí nghiệm sinh học. Và trong khi chờ đợi bạn có thể áp dụng hai phương pháp sau đây:

ĐỘNG LẠNH VÀ HÀN MIỄN ĐỂ TRƯỞNG SANH BẤT TỬ:
Một hướng khá khác để chống tử thần là sử “động lạnh” co thể (congelation) và “sử hàn miễn” (hibernation).

Phương thức động lạnh để giữ sự sống không còn gì là đối với thế giới còn trung, vi trung, vi sinh vật. Các vi khuẩn có thể sống vượt tận neu để ở phòng động lạnh.

Giao Sư Hinton & Viện Đại học Bristol đã làm sống lại các con đời của một loại ruồi sau 10 năm giữ ở phòng động lạnh. Ông cuốn sách “Hình ảnh của tương lai (Profile of the future) của Arthur Clarke mà chúng tôi đã có dịp cùng dặm theo ở Honolulu (Hạ ụy đi) trong thằng tấm và qua dã tiến liên rằng đến năm 2050 khoa sinh học sẽ tìm ra phương thức “hơi tỉnh” làm sống lại các con người được tôn trị ở phòng động lạnh và hàn miễn (ngủ vẫn lạnh). Kỹ thuật “hơi tỉnh” này rất hấp dẫn đối với những bình nan y như ung thư máu chẳng hạn, hiện giờ không chứa được. Những mối dấy các nhà Bác học cho là có thể chứa được trong tương lai nhờ mới phát minh
ra «mật mã» gây bình ở RNA (Express tháng 12/70). Nếu một
bình nhân chết vì sưng phổi vào năm 1920, 50 năm trước đây
dược giữ lại ở phòng đông lạnh thì chắc chắn đây gợi tiến bộ
khóa sê cứu sống ông ta. Cùng với vậy mà Bác sĩ James H. Bedford
dã bố ra một trêu rủi, ông bác đề yêu cầu làm lạnh cho
cơ thể ông ta tồn tại sau khi chết vì ung thư năm vừa qua ở
Californie để hy vọng rằng 30 — 40 năm nữa khoảng học sẽ tìm ra
phương thức cứu chữa ung thư biết chết ông ta năm 1969.

Nhưng thực tế thì tiến bộ về kỹ thuật đông lạnh còn người ta
tiến triển đến đâu mới?

Trùm một môi trường hợp hữu hạn, như bị chôn sống,
nhiều giờ dưới, tuyệt thân thể cũng đỡ mà sao đó vẫn hồi tỉnh
và làm việc lạy của bác tài xe lái máy cày Vladimir Kharin ở
Nga ra, nhiệt độ thấp nhất làm đông lạnh thân thể con người
ta hiện nay và sau đó làm hồi tỉnh lại mà không hề hàn gì cả
là 90°C. Các phòng môi trường ở nhiệt độ 250°C trong khi nhiệt
dộ thường của thân thể chúng ta là 370°C. Nhưng ở nhiều loại
vật, các nhà Sinh học đã có thể làm đông cơ thể xuống ở nhiệt
dộ 00 mà sau đó lại làm hồi tỉnh được. Nhiều bộ phận riêng biệt
có thể trừ cho sống mãi khi đông lạnh. Trùm đây thì chỉ có thể
trùm con mất, trừ da người vi ở nhiệt độ đông giả thì các
tình thể nước đã xuất hiện ở tế bào và làm chết tế bào. Nhưng
từ khi dùng chất Glycerin làm dung môi thì đã có thể trừ nhiều
bộ phận khác ở nhiệt độ thấp hơn. Và nếu cứ khảo cứu thì
nghiệm sinh học thêm mãi thì e rằng cũng có ngày làm đông
lạnh tất cả mọi bộ phận, cả con người và sau đó làm «hồi tỉnh»
khí hâm nóng trở lại? Hy vọng thật sự và có tình cảm khách
quán khoa học chữ không phải là mơ tưởng, huyền thoại dài đâu.

Khía cạnh ngụ mè man (hàn miếng) vào máu đông giả hay
ở phòng đông lạnh, nghỉa là giảm bớt sự sỏng để đánh lại vào
các thời gian sau là một chuyện thường tình ở nhiều loại dòng vật Bắc cực hay Nam cực. Tiền bộ quan trọng ở linh vực này là môi đất sa khi lai các giống dòng vật có hàn miện, Kỷ sục Chaffee đã thấy rằng hiện trong hàn miện do các yếu tố di truyền quí định. Vây nếu chúng ta chủ động được các Protein ADN hay enzym (diệu tổ) điều khiển các yếu tố di truyền này ở thân thể con người thì chúng ta có thể chủ động tình trạng hàn miện. Trong thực tế đây không phải là giấc ngủ thất thường, mà đây là việc giảm nhịp sống: nhiệt độ nhiều phần của thân thể giảm xuống 2°C; tim chỉ còn đáp có 3 lần mỗi phút, và hô hấp 3 phút mỗi lần.

Hậu quả của các khám phá này sẽ ra sao & khía cạnh vấn hoa xã hội?

Đầu tiên có thể là VẤN ĐỀ THỰC TỤ: con cháu chỉ còn quan trọng gia tài đồ sộ của cha ông trong thời gian cha ông tâm lành hay mế man giấc nồng. Như vậy đối khi bị lỡ danh休闲 đào làm mù quang mất chút hiểu biết thì con cháu sẽ có khinh thường tim cách kéo dài các thời gian tâm lành hay hàn miện thấy vi hầm nóng cho hỏi tình cha ông? Trên khía cạnh hình sự cũng rất có thể có nhiều rắc rối.

Luật pháp sẽ đối xử ra sao đối với những kẻ tâm lành, hàn miện nếu sau một thời gian lực quá khứ của người qua cỏ giả tạo này người ta thấy nhiều điều bất chính. Hay ngược lại, nhiều tội lỡ của người sống do cho người chết để phi tang thì luật pháp có lạy quyết định là hỏi tình pháp giải nồng của xác ướp lành này để bắt tội đây làm nhân chứng buốc tội không? Có lẽ các nhà làm luật nên bắt đầu là vừa, kéo các tòa án sẽ thiếu điều kiến hành xử,
KINH THI

hành hành giới thiệu:

Đã phát hành

CON NGƯƠI VÀ KỸ THUẬT

với OSWALD SPENGLER

bàn Việt Ngữ : HOÀNG THIÊN NGUYỄN

ÁC QUI TRÊN THIỀN ĐÀNG

với HENRY MILLER

bàn Việt Ngữ : TÀM NGUYỄN

Đang in

SIÊU HÌNH TÌNH YÊU,

SIÊU HÌNH SỰ CHẾT

với SCHOPENHAUER

... Vào cái thời buổi nhân loại lại cẳng này của chúng ta, những ai cảm thấy gì khi gặp được một con người tròn vẻn, mạch lạc, đủ khớp đủ gân, không lưỡng lự không rằng bước, hân thông cảm được cái sung sướng, cái ngược nhiên của tôi, cái ngày tôi khám phá ra Schopenhauer

NIETZSCHE
Không Тур báo: “An không chán dở ăn sạch sẽ, nem không chán nhỏ”. Nay Тур mồm mặc áo nâu, ăn ngày một bữa, cắm sáo tinh dực, tự dựt với đợi, như thế còn có chi ích lợi?


Trong Тур báo: “An không chán dở ăn sạch sẽ, nem không chán nhỏ”. Nay Тур mồm mặc áo nâu, ăn ngày một bữa, cắm sáo tinh dực, tự dựt với đợi, như thế còn có chi ích lợi?

Mẫu Тур đáp: — Giàu sang là điều người ta mong muốn, nhưng không lấy dực mà được thì không nhân, nghèo hèn là điều người ta không ưa, nhưng không lấy dực mà được thì không bồ. Lào Тур nói: “Nắm màu làm cho mất người ta lọa, nắm tiếng làm cho tai người ta điec, nắm vị làm cho miệng người ta tè, rong ruồi đi sần đi bảy làm cho tinh thân người ta dien cuốn, cua cái khó được khien cho người ta làm điều hại. Thạnh nhân vi tấm phục không vi tài mặt”. Những lời nói ấy là thông rồng sao? Liêu Hạ Huệ không thấy đòi hành vi vi chức Tam Công. Đoàn Cam Mộc không lấy thân mình đòi lấy sự giữ cõ của Nguy Văn. Hứa Do, Sáo Phú leo lên cây mà đó, tự cho yên ổn hơn cung diễn nhà Vua. Di Tể nhìn đòi & đặt Thư Dương, tự cho là no hơn Vua Văn, Vua Vụ. Bối vi ai nay có chỉ muốn riêng của mình mà thế, sao bảo là không có gì để nhờ cây?
XX) — Vấn Việt: — Như Phật kinh thâm điều mi lé, tự hỡi bát cầm chỉ u triều đình, luân chỉ u quan phụ, tự chỉ u khuê môn, tiếp chỉ u bằng hữu. Hà phục học Kinh Truyền, đọc Chư Tứ Hồ?


(20) Hỏi: — Nếu thật kinh Phật thâm thụy đẹp đế thể, sao ông không đếm bàn ở triều đình, luân với Vua, cha, thụ tiếp với bẩn bè, mà lại còn học Kinh Truyền của Chư Tứ?

XXI) — Văn viết: — Hán dây thủy văn Phật đạo, kỳ sở tổng xuất đa?


(21) Hỏi: — Đất Hán bắt đầu nghe nói Phật giáo là từ đâu?


XXIII) — Văn viết: — Như tự chi ngôn, dô đương học biến đạt tu ngôn luận. Khơi phục trí tình tình, lý đạo được hồ?


XXIV) — Văn viết: — Văn hà Phật đạo chỉ tôn, chỉ khoái, vô vi đam bắc, thiết nhân học sĩ đã bâng huy chi vấn. Ký tự thuyết khusch lạc nan dụng, hữu vô nan tình hà hồ?


Hỏi: — Theo như lời ông nói thì chi nên học biện luận, đạt đến chớ tu sửa ngôn tự, làm sao còn có thể chê nghị tình tình, thực hành Đạo Đực được nữa?


(24) Hỏi: — Tại sao đạo Phật rất tôn rât hay, vô vi điểm đam, mà người đối nhiều học giả huy bäng là thuyết lý viên tử mòng lung không đúng, nói điều hư vô khó tin?


Mẫu Từ viết: — Phi ngòi biên đá; kiến bắc có bất hoặc nhi.

Văn viết: — Kiến bắc kỳ hữu thuật họ?


XXVI) — Văn viết — Tư văn Phật kinh như Giang Hải, kỳ văn như chăm tú, hà bất dĩ Phật kinh đáp ngòi văn, nhi phúc dàn Thi Thư, hôp đế vi đồng họ?

(25) Hỏi: — Ông lạy Kinh Truyền để giải thích thuyết nhà Phật, lời nói phong phú mà y nghĩa rõ ràng, văn chương sáng mạ lý thuyết đẹp, có phải thật là ông biến luân dạy không?

Mẫu Từ đáp: — Không phải tôi biến luân; thấy rồng cho nên không nghĩ ngòi vây.

Hỏi: — Thấy rồng có phép thuật gì?


(26) Hỏi: — Ông nói kinh Phật ý nghĩa sâu rộng như sông biên, văn chương đẹp như gấm thêu, sao Ông không lạy kinh Phật mà giải đáp lời hỏi của tôi, mà lại dàn Kinh Thi, Kinh Thư của Nho, hôp cho khác nhau làm cho giống nhau vây?


(27) Hỏi: — Tội trước kia ở Kinh độ, vào Đồng Quan du học trường Thái học, nhìn thầy cho các si từ lấy làm mục thác, ngôi trong Nhò làm bản luận, chưa từng thấy họ lấy đạo Phật làm qui, mà tự bi mình cho là cao
từ Phật tử mà đam mê tà cát lở, suy nghĩ cũng tác phán cố, đã biết từ đâu?


thường vậy. Sao ông đam mê đạo Phật thế? Ôi! Làm điều mê thì đổi lại đường đi, phère thuật đến chỗ cùng thì trở về lời cũ, khả không nghĩ kỳ sao?

Mẫu Tư đáp: — Ôi! kẻ giỏi về biến hóa thì không thể đế cho đổi trái; kẻ thông hiểu đạo thì không sợ điều quái lụa; kẻ giỏi xét văn từ thì không thể lấy lời nói mẻ hoắc được; kẻ đạt đến nghĩa lý thì không thể lấy làm cho đồng lòng. Lào Tư nói: «Danh là cái hài của thân, điều lời là cái nhơ của hành vi». Lại nói: «Bấy mưu kế cược quyền thế, nhưng đạo Huệ vẻ tử nó có giá trị». Tư sửa đổi gia định, có những liên lạc thời tục, lời dũng thời tục, lời dũng thời cơ, luôn luôn ở đến đổi hiện tại áy là chỗ làm của kẻ sỉ hèn, người sỉ bậc trung bờ đi không thèm, hương chi đạo lớn than thân là chỗ của bậc Thánh ở trên theo. Mèn mới lòng may như trời, thậm thảm thảm như biến, không hợp với kẻ sĩ «dễ kế tương», người thường phu tâm nhìn cao bằng nhìn, vốn là thế đây. Kẻ kia thấy của Ngõ, tội xem trong nhà, kẻ kia hài hoa, tội lưu rỉy lấy trái, kẻ kia cần đầy đủ, tội giữ cái thể nhất, ông với đổi đường lời, tội xin củ đi, nguyên lại của hoa phúc chửa biết thế nào vậy. (còn nữa)
SÁU CỬA VÀO ĐỒNG THIỂU THẤT

của Bổ Đề Đạt Ma
Bản dịch của Trúc Thiên

Tôi Đạt Ma cởi sóng qua Động Đô.
Tôi Đạt Ma vào đất Nguy, đường đường như một kiếm khách chơn hải tận.
Tôi Đạt Ma «đon dao trực nhập» triều dinh Lương Võ Đề, nói Pháp như chuyen sông.
Tôi Đạt Ma chín năm trăm hung ngồi nhìn vách đá chúa Thiệu Lâm.
Tôi Đạt Ma ki điều ban Pháp an tâm.
Tôi Đạt Ma cởi bể lao về Thiên Trúc.
Tôi Đạt Ma xách một chiếc dép phi hành trên ngọn Thống Lành.
Tôi Đạt Ma... và Tôi Đạt Ma...

Bao nhiêu là câu chuyen truyền kiệt hào quang dựa nhà Sử mà biết đất Hồ vào huyền sử.

Từ Tùng Sơn, sóng sóng bèn vách đá chúa Thiệu Lâm, bồng Người ngày dài suốt lịch sử Động phương như một trường trung thuận tuy của Đạo. Ngọt mùi lầm thê kỳ nay, lòng người còn nghe dòng vọng tiếng Người nói; chớn Già lam còn nghe vang dội bước Người đi...

Sách do AN TIỄM tái bản, có phần hiệu chỉnh của dịch giả.
TU TƯƠNG
Năm thứ IV - Số 5 tháng 7 năm 1971

MỤC LỤC

1 - BÀN VỀ CHỦ HỌC  Tôn That Thiên  3
2 - QUẢ TRÌNH GIEO GẤT  Kim Định  19
3 - KHÁI NIỄM VỀ SỐ TRONG KINH DỊCH  Thuệ Sỹ  33
4 - CUỘC TỊNH CỦA KIERKEGAARD  Chơn Hạnh  41

5 - THƠ
   George Seferis
   Nguyễn Kim Phương (dịch)
   Hồ Ngọc Ngữ  69

6 - THÁI ĐỘ VÀ PHƯƠNG PHÁP  Thích Minh Châu  73
7 - CUỘC CÁCH MẠNG SINH HỌC  Tôn That Trinh  79
8 - TÀI LIỆU PHÁ TỘ HỌC VÀ QUỐC HỘC VIỆT NAM  Nguyễn Đăng Thức (dịch) 101

Giá    70 $

In tại Ẩn quán Văn Hạnh, 222 Trương Minh Giang — Saigon.
CHÀNG TUỔI TRẺ GAN ĐÀ TRÊN CHIÈC ĐƯ BAY
(THE DARING YOUNG MAN ON THE FLYING TRAPEZE)
WILLIAM SAROYAN

- 32 truyện ngắn lừng danh của William Saroyan, do chính tác giả lựa chọn và ghi chú.
- Saroyan viết truyện hồn nhiên như là cây, cỏ dồng như thơ Đường, đọc truyện ông ta chốt lại được cả vui trưa trong những giờ no noi tầm thường nhất.
- "Đối ngời cũng như âm nhạc, nó bắt đầu và chậm đứt trong im lặng", độc Saroyan để thấy trái tim mình ngậm ngùi xúc cảm không ngừng.

SIÊU HÌNH TÌNH YÊU SIÊU HÌNH SỰ CHẾT
SCHOPENHAUER

- Tình yêu và sự chết, hai vấn đề trong đại nhất của con người được Schopenhauer suy nghiệm, mô tả và so sánh theo giáo lý Phật giáo, Ấn Độ giáo, Ki tọ giáo, triết lý Hy lạp và Ai cập.
- Tác phẩm của Schopenhauer là chiếc chìa khóa thân, mỗi lần lại cung cấp giải pháp cho những vấn đề hết sức kỳ ảo, và coi những vấn đề này như những chú giải mới mẻ.

KINH THI Xuất bản